

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CÁC BON THẤP

BIÊN BẢN GHI NHỚ
ĐOÀN ĐÁNH GIÁ
DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CÁC BON THẤP

Từ ngày 14-26/9/2018

Hà Nội, tháng 9 năm 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á**

KHOẢN VAY 2968-VIE: DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CÁC BÓN THẤP

BIÊN BẢN GHI NHỚ ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

Từ ngày 14-26 tháng 9 năm 2018

I. GIỚI THIỆU

1. Ngày 12 tháng 12 năm 2012, ADB đã phê duyệt khoản vay với tổng số vốn 48,170,000 SDR (tương đương với 74.000.000 USD) cho nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đối với Dự án Hỗ trợ Nông nghiệp Các bón thấp (Dự án LCASP). Hiệp định Vay được ký kết vào ngày 7 tháng 3 năm 2013, có hiệu lực vào ngày 5 tháng 6 năm 2013 và sẽ đóng tài khoản vay vào ngày 30 tháng 6/2019

2. Tác động dự kiến của Dự án là giảm ô nhiễm môi trường do chất thải nông nghiệp, với chất lượng nước tốt hơn do giảm chất thải chăn nuôi. Kết quả dự kiến là gia tăng tác động của Quản lý toàn diện chất thải nông nghiệp (ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bón thấp), với việc gia tăng sử dụng năng lượng Khí sinh học (KSH) sạch và phân bón hữu cơ. Để đạt được kết quả này, các đầu ra của Dự án là (i) Quản lý chất thải chăn nuôi; (ii) Tín dụng cho các chuỗi giá trị sinh học; (iii) Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bón thấp và (iv) Quản lý dự án hiệu quả.

3. Việc thực hiện các hợp phần và tiểu hợp phần đang được thực hiện thông qua cơ quan chủ quản (EA), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) do Ban Quản lý Dự án Trung Ương (Ban QLDA Trung ương) thuộc Ban Quản lý các Dự án Nông nghiệp (APMB) và 12 cơ quan thực hiện (IAs) bao gồm các Ủy ban Nhân dân tỉnh của 10 tỉnh tham gia dự án (Bắc Giang, Bến Tre, Bình Định, Hà Tĩnh, Lào Cai, Nam Định, Sóc Trăng, Sơn La và Tiền Giang) và 2 định chế tài chính (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - VBARD và Ngân hàng Hợp tác Việt Nam – Co-opBank).

4. Đoàn đánh giá của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)¹ đã làm việc từ ngày 14 tới ngày 26 tháng 9 năm 2018. Sau khi họp khởi động tại Hà Nội ngày 14/9/2018, Đoàn đã thăm và làm việc với Hà Tĩnh, Phú Thọ, và Tiền Giang từ 17-21 tháng 9/2018. Đoàn đánh giá đã gặp đại diện của EA và 12 IAs nhằm (i) rà soát tiến độ thực hiện tổng thể dự án; (ii) rà soát tình hình thực hiện của 38 hoạt động đã thống nhất từ Đoàn đánh giá trước đây vào tháng 3/2018; (iii) rà soát tiến độ thực hiện theo các hợp phần dự án; (iv) rà soát các hoạt động mua sắm, đấu thầu; (v) rà soát các hoạt động giám sát, đánh giá và báo cáo của dự án; (vi) rà soát chi phí và tài chính; (vii) rà soát tuân thủ hiệp định vay; (viii) rà soát các hoạt động quản lý môi trường; (ix) rà soát thực hiện các hoạt động an toàn xã hội; (x) rà soát thực hiện kế hoạch hành động giới; (xi) giải quyết các vấn đề còn tồn đọng; và (xii) đi thực địa một số điểm mô hình thực hiện của của dự án.

5. Biên bản ghi nhớ này ghi nhận tóm tắt các phát hiện của Đoàn đánh giá và các cam kết đạt được đối với việc thực hiện dự án, đây là những nội dung đã được thảo luận tại cuộc họp tổng kết ngày 26/9/2018 tại Hà Nội. Các thỏa thuận được ghi nhận trong Biên bản ghi nhớ này sẽ được các cấp cao hơn của ADB và Chính phủ thông qua. Danh sách những người đã gặp và làm việc tại Phụ lục 1.

¹ Đoàn Đánh giá gồm Hồ Lê Phong, Cán bộ dự án cấp cao (Tài nguyên và Nông nghiệp) / Trưởng đoàn; Trương Thị Minh Huệ, Cán bộ phân tích dự án; Đinh Kiều Oanh, Cán bộ Phát triển Xã hội (Tái định cư); Phạm Quang Phúc, Cán bộ môi trường cao cấp đã tham gia các chuyến thăm thực địa từ ngày 20 tháng 9 năm 2018; Đỗ Thị Huyền, Chuyên gia môi trường (Chuyên gia Tư vấn) tham gia các chuyến thăm thực địa từ ngày 17 đến ngày 19 tháng 9 năm 2018; và Trần Thúy Hải, Chuyên gia về giới (Chuyên gia Tư vấn)

II. PHÁT HIỆN CHÍNH VÀ CÁC VẤN ĐỀ

A. Tiến độ tổng thể dự án

6. Dự án đang được đánh giá ở mức “vấn đề tiềm năng”. Tính đến 31/8/2018, tổng tiến độ thực hiện dự án được ước tính là 55,3% dựa trên tiến độ trọng số của các hợp phần dự án (chi tiết được nêu trong Phụ lục 2) so với thời gian vay của ADB là 87%. Tổng chi lũy kế của dự án (bao gồm vốn vay và vốn đối ứng của ADB) là 21,332 triệu đô la, tương đương 55% tổng vốn dự án là 39,045 triệu đô la (chi tiết được trình bày trong Phụ lục 3)

7. Đối với vốn ADB, lũy kế trao thầu và giải ngân lần lượt là \$24,874 triệu và \$ 23,222 triệu, tương đương 36,7% và 34,3% trên tổng số vốn của dự án là \$67,75 triệu. Trong năm 2018, Dự án đã trao thầu 5,442 triệu đô la và giải ngân 4,486 triệu đô la so với kế hoạch dự kiến năm là 17,08 triệu đô la và 21,8 triệu đô la trao thầu và giải ngân, tương ứng.

8. Đối với vốn đối ứng, lũy kế giải ngân dự của vốn đối ứng là 2,081 triệu USD (tương đương 56% tổng kế hoạch là 3,657 triệu USD).

B. Tình hình thực hiện các hoạt động tiếp theo được thống nhất từ Đoàn đánh giá trước

9. Có 38 hành động tiếp theo được đồng ý Đoàn đánh giá trước vào tháng 3 năm 2018. Hiện nay, 18 hành động đã được thực hiện, ba (3) hành động được thực hiện một phần, tám (8) hành động đang được thực hiện và chín (9) hành động chưa được thực hiện (các chi tiết được nêu trong Phụ lục 4).

C. Tiến độ thực hiện Dự án theo Hợp phần

Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi

10. **Mục tiêu điều chỉnh sau MTR.** Các chỉ số thực hiện chính trong hợp phần này gồm: (i) 65.000 công trình khí sinh học quy mô nhỏ, 40 công trình khí sinh học quy mô vừa và 2 công trình khí sinh học quy mô lớn và cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị đi kèm được xây dựng và vận hành tới tháng 6 năm 2019. Tối thiểu 5% tổng số công trình khí sinh học quy mô nhỏ sẽ được xây dựng cho dân tộc thiểu số tại các Tỉnh dự án; (ii) Hỗ trợ tài chính ICMD được chuyển đầy đủ vào tối thiểu 65.042 tài khoản của người hưởng lợi tới tháng 6 năm 2019; (iii) 65.000 người sử dụng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, 500 thợ xây, 500 kỹ thuật viên, 28 kỹ sư và 10 nhà thầu được đào tạo tới tháng 6 năm 2019. Tối thiểu 50% học viên về sử dụng khí sinh học là phụ nữ; 7% học viên về xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, và 20% học viên được đào tạo về quản lý khí sinh học và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ; và (iv) Một cơ sở dữ liệu công trình khí sinh học duy nhất được quản lý hiệu quả tới năm 2017, bao gồm việc đăng ký dưới tên cả vợ và chồng

11. **Tiến độ.** Tính đến 31/8/2018, tiến độ đạt được của dự án như sau: (i) 55,122 SBPs, 37 MBPs và 2 LBP đã được xây dựng, trong đó có 4.747 (8.6%) công trình khí sinh học được xây dựng cho các hộ dân tộc thiểu số; (ii) các quỹ ICMD đã được chuyển tới 51.314 tài khoản của những người hưởng lợi. Tiến độ xây dựng các công trình khí sinh học của tỉnh dự án được nêu trong Phụ lục 5; (iii) đào tạo được 102.806 người vận hành SBP (bao gồm 51,697 tương đương 50,3% là nữ), 588 thợ xây (bao gồm 34 tương đương 5,8% là nữ), 1.290 kỹ thuật viên (bao gồm 297 tương đương 23% là nữ), 28 kỹ sư (bao gồm 4 tương đương 14,3% là nữ) và 18 nhà thầu. Tổng cộng dự án đã cung cấp 2.066 khóa đào tạo. Chi tiết về kết quả đào tạo liên quan đến khí sinh học do CPMU và PPMU thực hiện được trình bày trong Phụ lục 6; và (iv) 41,849 công trình khí sinh học được tài trợ theo Dự án đã được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu công trình khí sinh học quốc gia duy nhất.

12. Đoàn Đánh giá đã đến thăm nhiều hộ hưởng lợi ở Hà Tĩnh, Phú Thọ và Tiền Giang và lưu ý rằng các công trình khí sinh học và các mô hình trình diễn được xây dựng có tác động tích cực đến môi trường cũng như điều kiện kinh tế xã hội của các hộ gia đình này.

Thông tin của các công trình khí sinh học và các mô hình trình diễn được trình bày trong Phụ lục 7.

Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học (BVC) và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác

13. **Mục tiêu sửa đổi sau Đánh giá giữa kỳ (ĐGGK).** Các chỉ số thực hiện chính cho hợp phần này là: (i) 50% người nhận tín dụng được đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc đăng ký dưới tên của phụ nữ tính đến tháng 6/2019; và (ii) ít nhất 15.000 hộ chăn nuôi được tiếp cận với tín dụng cho BVC và các khoản đầu tư khác vào quản lý chất thải nông nghiệp thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu từ các Định chế tài chính tính đến tháng 6/2019

14. **Tiến độ.** Cả hai định chế tài chính (FI) là VBARD và Co-opbank, tiếp tục gặp khó khăn trong việc giải ngân các khoản vay lại cho các trang trại chăn nuôi. Những thách thức chính là thiếu nhu cầu về tín dụng do tính chất hạn chế của hợp phần tín dụng (tức là chỉ xây dựng các công trình khí sinh học) và yêu cầu về tài sản thế chấp của các FI. Chỉ có 522 khoản vay phụ đã được cung cấp cho đến thời điểm hiện tại và tất cả các khoản vay này đều đứng tên cả vợ và chồng theo yêu cầu chung của FI. Trong số 33,6 triệu đô la được phân bổ cho hợp phần này, 3,2 triệu đô la đã được chuyển vào tài khoản tạm ứng của FI. Tuy nhiên, họ chỉ sử dụng 0,73 triệu đô la Mỹ đến ngày 31 tháng 8 năm 2018 và dự kiến chỉ sử dụng thêm 0,18 triệu đô la cho đến khi kết thúc Dự án. Thực trạng của hợp phần tín dụng được nêu trong Phụ lục 8.

15. **Hủy bỏ 30 triệu đô la của Hợp phần 2.** Theo thỏa thuận đạt được của Đoàn đánh giá trước, Bộ NN & PTNT đã gửi yêu cầu hủy bỏ đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vào ngày 29 tháng 6 năm 2018. MPI đã đệ trình đề xuất việc hủy bỏ kinh phí hợp phần tín dụng tới Văn phòng Chính phủ ngày 04 tháng 9 năm 2018 để được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên, yêu cầu chính thức của Chính phủ về việc hủy bỏ này chưa được gửi cho ADB. Dự án không thể được xếp ở mức “theo tiến độ” cho đến khi việc hủy bỏ hoàn tất.

Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)

16. **Mục tiêu sửa đổi sau ĐGGK.** Các chỉ số thực hiện chính cho hợp phần này là: (i) Xây dựng chiến lược nghiên cứu CSAWMP và tiến hành nghiên cứu về ít nhất 6 chủ đề CSAWMP tính đến tháng 6/2019. Ít nhất 2 chủ đề nghiên cứu có lồng ghép các vấn đề về giới; (ii) ít nhất 7 mô hình CSAWMP được trình diễn thành công và phổ biến ở 10 tỉnh dự án tính đến tháng 6/2019; và (iii) ít nhất 7.000 nông dân, 700 cán bộ khuyến nông, và 200 cán bộ nghiên cứu được đào tạo về CSAWMP tính đến tháng 6/2019. Ít nhất 50% nông dân và 30% cán bộ khuyến nông được đào tạo là phụ nữ

17. **Nghiên cứu công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP).** Các hợp đồng đã được trao và huy động tư vấn cho 05 gói (25 - 29). Hai gói thầu còn lại (42 và 43) đang tạm hoãn lại do không có đủ thời gian để thực hiện vì quá trình mua sắm kéo dài. Việc tuyển tư vấn này có thể được tiếp tục nếu Bộ NN & PTNT cam kết chi trả cho phần công việc của gói thầu sẽ được thực hiện sau ngày đóng khoản vay, từ nguồn vốn đối ứng. Tình hình mua sắm / thực hiện của các gói nghiên cứu CSAWMP được nêu trong Phụ lục 9.

18. Kết quả của các gói nghiên cứu kỳ vọng sẽ được áp dụng để cải thiện quản lý chất thải rắn, vì chúng giải quyết những hạn chế hiện tại của các công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi và tạo cơ hội mới cho khu vực tư nhân để thu được lợi nhuận nếu đầu tư vào nông nghiệp với các công nghệ môi trường mới. Do đó, dự án cần gia hạn để cho phép áp dụng và nhân rộng kết quả sau khi các nghiên cứu hoàn thành.

19. **Mô hình trình diễn CSAWMP.** Đoàn đánh giá phát hiện thấy rằng các hoạt động trình diễn đã đạt được tiến độ tốt với tất cả 07 gói (32 - 38), các gói đã được trao và cung

cấp các giải pháp CSAWM hữu ích. Tình trạng thực hiện của từng gói trình diễn CSAWMP được nêu trong Phụ lục 10.

20. **Hệ thống thông tin CSAWMP.** Vào ngày 10 tháng 8 năm 2017, hợp đồng đã được trao cho Gói 23 (thiết kế, giám sát, lắp đặt và chuyển giao công nghệ cho hệ thống thư viện điện tử). Chuyên gia tư vấn đã hoàn thành phần thứ hai trong năm kết quả đầu ra và tư vấn đặc trưng kỹ thuật các thiết bị của hệ thống thư viện điện tử. Hoạt động mua sắm gói thầu thiết bị cho hệ thống thư viện điện tử đang được tiến hành và dự kiến sẽ được trao vào tháng 9 năm 2018.

21. **Tăng cường năng lực về CSAWMP.** Dự án đã hỗ trợ 5 chương trình đào tạo nghề nông dân (như xây dựng giáo trình dạy nghề nông dân do Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn thực hiện) về các chủ đề sau: (i) sản xuất phân bón hữu cơ sinh học từ phân gia súc và chất thải mía; (ii) kỹ thuật sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị khí sinh học; (iii) nuôi giun đất ở quy mô nhỏ từ phân gia súc và phân gà; (iv) sản xuất phân hữu cơ sinh học từ phụ phẩm trồng trọt; và (v) sản xuất phân hữu cơ từ phân lợn. Dự án cũng đã hỗ trợ Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn Bộ NN & PTNT xây dựng thêm 3 chương trình đào tạo nghề về: (i) sản xuất đệm lót sinh học trong chăn nuôi; (ii) chế biến thức ăn chăn nuôi từ phụ phẩm trồng trọt; và (iii) sản xuất than sinh học từ phụ phẩm trồng trọt. Tổng cộng, Dự án đã đào tạo 17.232 nông dân (trong đó có 8,651 tương đương 50,2% là phụ nữ) và 1.698 cán bộ khuyến nông (trong đó có 511 tương đương 30,1% là nữ). Chi tiết về khóa đào tạo CSAWMP do CPMU và các tỉnh thực hiện được trình bày trong Phụ lục 11.

Sản phẩm đầu ra 4: Quản lý dự án hiệu quả

22. **Các mục tiêu đã sửa đổi sau Đánh giá giữa kỳ (ĐGGK).** Các chỉ số chất lượng thực hiện chính cho hợp phần này là: (i) Một CPMU và 10 PPMU đã được thành lập và đi vào hoạt động với đầy đủ nhân sự và cơ sở vật chất vào quý 1 năm 2013. Ít nhất 30% cán bộ là nữ và cán bộ đầu mối về giới sẽ được chỉ định vào 2014; và (ii) PPMS với số liệu phân tách về giới và DTTS được thu thập và vận hành hiệu quả ở 10 tỉnh vào năm 2015.

23. **Tiến độ.** CPMU và 10 PPMU được thành lập vào quý 2 năm 2013 và có đầy đủ nhân sự. Tính đến tháng 9 năm 2018, 58 trong số 127 nhân viên (tương đương 45,7%) CPMU và PPMU là phụ nữ. Cán bộ phụ trách giới được chỉ định từ tháng 7/2016. Hệ thống giám sát đánh giá có số liệu phân tách theo giới tính và dân tộc thiếu số phụ vụ thu thập số liệu và báo cáo đang hoạt động hiệu quả ở 10 tỉnh.

D. Mua sắm đầu thầu

24. **Tiến độ.** Tổng cộng, Dự án có 19 gói thầu dịch vụ tư vấn (bao gồm 7 gói nghiên cứu) và 21 gói mua sắm hàng hóa, trong đó có 17 gói dịch vụ tư vấn và 17 gói mua sắm hàng hóa đã được trao. Đoàn đánh giá thấy rằng sự chậm trễ trong quá trình thực hiện 07 gói thầu nghiên cứu là do thiếu kế hoạch cấp vốn của chính phủ cho dự án trong năm 2017 (chỉ cấp 7,7 tỷ VNĐ so với nhu cầu đề xuất là 90 tỷ VNĐ), vì vậy cần gia hạn dự án thêm 01 năm để hoàn thành các gói thầu nghiên cứu.

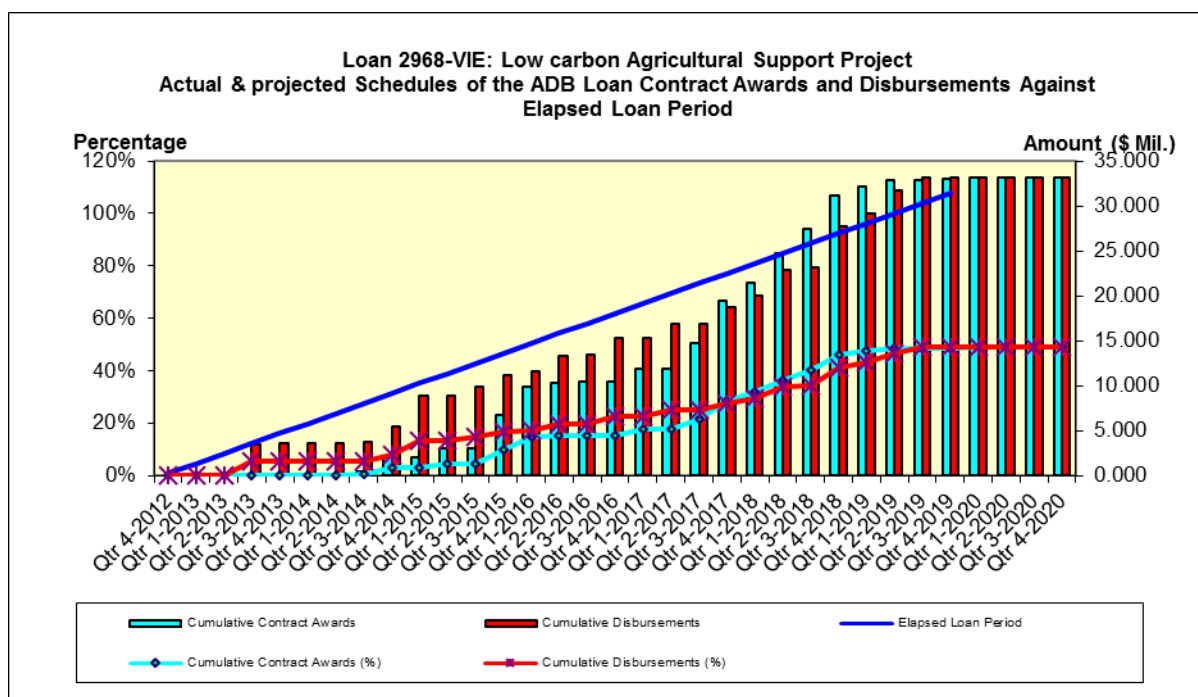
E. Giám sát, đánh giá và báo cáo dự án

25. Các báo cáo do PPMU lập cho Đoàn đánh giá không được sử dụng cùng một mẫu báo cáo và thiếu nhiều thông tin, dữ liệu. Hơn nữa, sự không nhất quán của dữ liệu trong các báo cáo do CPMU và PPMU chuẩn bị phản ánh sự hoạt động chưa hiệu quả hệ thống lưu trữ dữ liệu trong hệ thống thông tin.

F. Chi phí dự án và tài chính

26. **Khoản vay ADB.** CPMU và PPMU đã cập nhật lịch trình dự kiến cho việc trao thầu và giải ngân khoản vay ADB. Chi tiết được làm rõ trong phụ lục 12 và 13. Các kết quả chính bao gồm:

- (i) Theo ước tính chi phí cập nhật của CPMU và PPMU, nhu cầu vốn ADB là 35,388 triệu đô la (bao gồm 2,195 triệu đô la cho phí lãi suất trong quá trình thực hiện). Vốn ADB chưa sử dụng (không bao gồm 30 triệu đô la của hợp phần tín dụng sẽ bị hủy) là 2,362 triệu đô la;
- (ii) Cho năm 2018, CPMU, FI và PPMU dự định trao 10,47 triệu đô la và giải ngân 11,391 triệu đô la, thấp hơn nhiều so với kế hoạch năm là 17,08 triệu đô la và 21,8 triệu đô la cho trao thầu và giải ngân tương ứng; và
- (iii) Kế hoạch thực tế và dự kiến của việc trao thầu và giải ngân vốn vay ADB được trình bày trong biểu đồ dưới đây



27. **Vốn đối ứng** Cho năm 2018, yêu cầu của vốn đối ứng là 10,76 tỷ VNĐ. Tính đến 31/8/2018, 5.248 tỷ VNĐ đã được giải ngân (tương đương với 49% kế hoạch). Hiện tại UBND tỉnh Bến Tre và Sóc Trăng vẫn chưa phân bổ đủ vốn đối ứng cho năm 2018 nhưng tổng số thiếu hụt chỉ là 202 triệu VNĐ. Chi tiết được cung cấp trong Phụ lục 14

G. Tuân thủ với thỏa thuận vay vốn

28. Đoàn thấy rằng 46 trong số 47 thỏa thuận vay được tuân thủ. Chỉ có một thỏa thuận vay về việc thực hiện kế hoạch hành động giới (GAP) đang được tuân thủ một phần do tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các hoạt động đào tạo, phổ biến và tham vấn cho các nhóm chỉ dành cho phụ nữ vẫn thấp hơn so với mục tiêu. Chi tiết về tình trạng tuân thủ tất cả các thỏa thuận vay được nêu trong Phụ lục 15

H. Quản lý môi trường

29. **Mục tiêu ban đầu** Mục tiêu dự án là làm giảm ô nhiễm từ chất thải nông nghiệp thông qua CSAWMP. Dự án nhằm mục tiêu hỗ trợ xử lý chất thải nông nghiệp và chất thải nông thôn thành năng lượng sạch và phân hữu cơ từ chất thải sau biogas, và phổ biến, tăng cường kiến thức về áp dụng CSAWMP. Dự án đặt mục tiêu giám sát môi trường cho ít nhất là 5% số công trình KSH quy mô nhỏ

30. **Tiến độ** Nhìn chung dự án đã có tác động tích cực đối với môi trường thông qua việc cải thiện quản lý chất thải chăn nuôi ở quy mô nông hộ và cộng đồng. Tính đến thời điểm đoàn đánh giá, 55,122 hầm KSH quy mô nhỏ trên mục tiêu 65,000, 37 hầm KSH quy mô vừa và 2 hầm KSH quy mô lớn đã được xây dựng để giảm thiểu tác động chất thải chăn nuôi. Đoàn đã lưu ý rằng công tác chuẩn bị báo cáo đánh giá môi trường và báo cáo giám sát môi trường nửa năm (SEMR) đã được cải thiện. Báo cáo SEMR nửa đầu năm 2018 đã được nộp và đăng tải trên trang web của ADB. Công tác đánh giá môi trường nhanh cho 65 hầm KSH quy mô vừa bổ sung đã được chuẩn bị.

31. **Vấn đề.** Trong các chuyến thăm thực địa đến các trang trại lợn và gia súc ở các tỉnh Phú Thọ, Hà Tĩnh và Tiền Giang, Đoàn đã nhận ra những vấn đề môi trường nổi cộm chưa được phát hiện ở chuyến công tác đánh giá trước và chưa được xử lý. Một vài ví dụ như (i) sử dụng phụ phẩm KSH chưa qua quá trình ủ phân, và việc lạm dụng loại phân bón này gây nên mùi khó chịu và tình trạng mất vệ sinh ở các tỉnh Phú Thọ và Hà Tĩnh; và (ii) quá tải chất gây ô nhiễm từ các hầm KSH quy mô nhỏ gây ra bởi phân tươi sau công trình khí sinh học trào ra ngoài và gây ô nhiễm... Đoàn còn nhận ra rằng dư thừa điện năng của máy phát điện, lắp đặt trong một hộ gia đình ở tỉnh Tiền Giang khi trình diễn mô hình sử dụng máy phát điện khí sinh học, gây ô nhiễm tiếng ồn.

32. **Hành động cần thiết.** Đoàn đề xuất 7 hành động tiếp theo ở đoạn 43 nhằm đảm bảo tuân thủ an toàn môi trường và đạt được mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm chất thải nông nghiệp thông qua các công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp

I. Thực hiện biện pháp an toàn xã hội

33. **Mục tiêu ban đầu.** Mục tiêu xây dựng hầm KSH quy mô nhỏ cho người DTTS với ít nhất 5% hầm quy mô nhỏ được xây trong DMF

34. **Tiến độ.** Kế hoạch phát triển DTTS (EMDP) đang trong quá trình triển khai. Một số hoạt động của EMDP đang được tiến hành bởi CPMU và PPMU, như (i) khuyến khích người dân tộc thiểu số (DTTS) tham gia vào các hoạt động của EMDP; (ii) tăng số lượng hầm KSH quy mô nhỏ xây cho người DTTS để đáp ứng được mục tiêu của Dự án; (iii) cung cấp đào tạo bổ sung cho các hộ DTTS có hầm KSH quy mô nhỏ đã được xây; và (iv) củng cố các hoạt động truyền thông bao gồm phổ biến thông tin dự án ở các cấp làng xã tại tất cả các tỉnh có người hưởng lợi là DTTS. Đoàn thấy rằng có khó khăn trong việc tiếp cận các hộ gia đình DTTS để cho vay vốn từ các định chế tài chính do thủ tục cho vay và yêu cầu bảo lãnh khoản vay. Các kết quả của quá trình triển khai EMDP được tóm tắt trong Phụ lục 16.

35. Trong 10 tỉnh dự án, 7 tỉnh có người hưởng lợi là DTTS (gồm Bắc Giang, Sơn La, Sóc Trăng, Lào Cai, Phú Thọ, Bình Định và Bến Tre). EMDP được chuẩn bị và phê duyệt cho 3 tỉnh (Bắc Giang, Sơn La, Sóc Trăng) trong giai đoạn chuẩn bị dự án. Trong thời gian triển khai dự án, 4 tỉnh dự án khác gồm Lào Cai, Phú Thọ, Bình Định và Bến Tre cũng có người hưởng lợi là DTTS. Mặc dù số lượng người hưởng lợi DTTS và các xã được xác định rõ ràng ở 7 tỉnh dự án, EMDP vẫn chưa được cập nhật và gửi đến ADB cho việc xác nhận và đăng tải. Đoàn yêu cầu CPMU và PPMU thực hiện 5 hành động tiếp theo được nêu trong đoạn 43

J. Thực hiện Kế hoạch hành động về giới (GAP)

36. **Mục tiêu điều chỉnh sau MTR :** Các mục tiêu chính của kế hoạch hành động về giới (trong thỏa thuận) bao gồm (i ít nhất 20% số người được đào tạo về quản lý khí sinh học và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ; (ii) ít nhất 7% số người được đào tạo và cấp chứng chỉ thợ xây cho công trình hầm KSH quy mô nhỏ là phụ nữ; (iii) ít nhất 50% những người được đào tạo sử dụng công nghệ KSH và vận hành bảo trì là phụ nữ; (iv) ít nhất 50% những người được đào tạo về quản lý nông trại và quản lý chất thải tại nông trại là phụ nữ; (v) ít nhất 15% nhân viên được đào tạo về công trình khí sinh học quy mô vừa và lớn là phụ nữ; (vi) ít nhất 50% số người nhận khoản vay từ các định chế tài chính sẽ được đăng kí dưới tên chung của cả vợ và chồng hoặc thay mặt phụ nữ; (vii) ít nhất 50% số người đăng ký các thiết bị KSH trong dự án dưới tên chung cả vợ và chồng hoặc thay mặt cho phụ nữ; (viii) 30% các chủ đề nghiên cứu liên quan đến giới kèm theo công trình KSH ; (ix) ít nhất 30% số người

được chọn nghiên cứu và phổ biến công nghệ CSAWMP là phụ nữ ; (x) tài liệu đào tạo về công nghệ CSAWMP và phương pháp đào tạo phải thân thiện với phụ nữ và ít nhất 30% sự kiện và tham vấn phải có sự tham gia của phụ nữ ; (xi) số liệu tách rời về giới và DTTS được thiết lập như một nội dung đánh giá chất lượng thực hiện của Dự án và thiết lập hệ thống giám sát bởi CPMU ; (xii) 30% cán bộ của CPMU và PPMU là phụ nữ và CPMU và từng PPMU phải có cán bộ về giới; và (xiii) các chỉ số về giới được bao gồm trong khung giám sát đánh giá tổng thể của Dự án.

37. **Tổng thể việc thực hiện:** Việc triển khai dự án GAP đang đi đúng tiến độ. Trong số 6 hoạt động, 5 hoạt động (83,3%) được hoàn thành hoặc theo đúng tiến độ và chỉ có một (1) hoạt động (16,7%) là hoàn thành một phần (hoạt động 5). Trong 12 mục tiêu, 9 mục tiêu (75%) đã hoàn thành hoặc theo đúng tiến độ, và 3 mục tiêu (25%) hoặc là chưa đạt được (mục tiêu 4 và 7) hoặc cần nhiều dữ liệu hơn để đánh giá thực trạng thực hiện (mục tiêu 11). Bảng theo dõi GAP đã được cập nhật và đưa ra trong Phụ lục 17.

38. **Hợp phần 1:** (i) 297 học viên là nữ trên tổng số 1290 học viên được đào tạo về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật cho công nhân kỹ thuật (23%, cao hơn mục tiêu 20%); (ii) 51,678 phụ nữ trên 102,806 học viên được đào tạo về sử dụng công nghệ KSH và vận hành bảo trì (50,3%, cao hơn mục tiêu 50%); (iii) 31 học viên là nữ trên tổng 463 học viên được đào tạo về xây dựng hầm KSH quy mô nhỏ (7%, mục tiêu 7% được hoàn thành); (iv) 7 phụ nữ trên 172 học viên được đào tạo về hầm KSH quy mô vừa và lớn cho kỹ sư, nhà thầu và công nhân (4.1%, thấp hơn mục tiêu 15%).

39. **Hợp phần 2:** Tất cả 520 hộ gia đình nhận được tín dụng cho vay dưới tài khoản chung của vợ và chồng.

40. **Hợp phần 3:** (i) 8.651 phụ nữ trong số 17.232 nông dân tham gia các khóa đào tạo về quản lý trang trại và quản lý chất thải tại các trang trại (50,2%, cao hơn so với mục tiêu 50%); (ii) 511 phụ nữ trong số 1.698 nhà nghiên cứu, cán bộ khuyến nông tham gia các khóa đào tạo về công nghệ CSAWMP (30,1%, đạt được mục tiêu 30%); (iii) 675 cuộc họp và hội thảo phổ biến được tổ chức với 30.712 người tham gia bao gồm 12.154 phụ nữ (39,6%), trong đó 22 sự kiện phổ biến và tư vấn có sự tham gia của các nhóm chỉ dành cho phụ nữ (3,26%, thấp hơn mục tiêu 30%).

41. **Hợp phần 4:** (i) CPMU và PPMU đã chỉ định các cán bộ đầu mối về giới để chịu trách nhiệm thực hiện và báo cáo GAP; (ii) 58 trong tổng số 127 cán bộ CPMU và PPMU là nữ (45,7%, cao hơn so với mục tiêu 30%); và (iii) 6 hội thảo về giới được thực hiện cho các cán bộ đầu mối về giới của PPMU, cán bộ kỹ thuật và các bên liên quan với 253 người tham gia, trong đó 149 là nữ (59%), chỉ một nửa số nhân viên CPMU và PPMU tham gia tập huấn giới.

42. **Vấn đề:** Các vấn đề sau đã được phát hiện bởi Đoàn đánh giá: (i) tỉ lệ tham gia của nữ giới vào các khóa đào tạo về xây dựng hầm KSH quy mô vừa và lớn cho nhà thầu, kỹ sư và công nhân (4.1%) thấp hơn mục tiêu của dự án (15%) do số lượng các kỹ sư, đại diện nhà thầu và công nhân là nữ rất nhỏ, vì vậy khó đạt được mục tiêu đào tạo của dự án cho phụ nữ; (ii) chỉ 3.26% các sự kiện phổ biến và tư vấn diễn ra có sự tham gia của các nhóm dành riêng cho phụ nữ (22 trên 657 sự kiện) trong khi mục tiêu là 30%; (iii) chỉ có 60 trên 127 nhân viên của CPMU và PPMU tham gia các buổi đào tạo về giới (thấp hơn mục tiêu toàn bộ nhân viên dự án); và (iv) dữ liệu về học viên của các khóa đào tạo vận hành bảo trì thiết bị nghiên cứu chưa có. Đoàn đã khuyến nghị 4 hành động tiếp theo cho những vấn đề này ở đoạn 43 bên dưới.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾP THEO

44. Các hoạt động tiếp theo đã được thống nhất như sau:

- Chính phủ gửi yêu cầu chính thức cho việc hủy bỏ 30 triệu đô la đến ADB sớm nhất có thể để ADB xử lý việc hủy bỏ trong năm 2018;
- Bộ NN&PTNT đệ trình đề đạt được sự chấp thuận của Chính phủ cho việc gia hạn dự án thêm 1 năm sớm nhất có thể, và ADB sẽ xử lý việc gia hạn khoản vay sau khi nhận được yêu cầu chính thức của Chính phủ ;
- Bộ NN&PTNT gửi thư chính thức cho ADB để cam kết rằng Bộ NN&PTNT sẽ tài trợ kinh phí cho phần công việc của các gói nghiên cứu 42 và 43 được triển khai sau ngày kết thúc dự án từ nguồn đối ứng;
- CPMU lập tức cập nhật mẫu về tiến độ thực hiện dự án với các phụ lục sử dụng trong Biên bản ghi nhớ của Đoàn đánh giá lần này và gửi cho các PPMU sử dụng của. CPMU và PPMU chuẩn bị báo cáo quý và báo cáo sau Đoàn đánh giá sử dụng mẫu báo cáo được cập nhật;
- UBND các tỉnh Bến Tre và Sóc Trăng phân bổ đủ quỹ đối ứng cho năm 2018 sớm nhất có thể nhưng không muộn hơn ngày 30 tháng 11 năm 2018;
- Bộ NN & PTNT thông qua Bộ Tài chính để yêu cầu VBARD và Co-opbank (i) nộp đơn rút vốn để quyết toán phần kinh phí đã sử dụng của các tài khoản tạm ứng của ADB; và (ii) hoàn lại số tiền chưa sử dụng trong tài khoản tạm ứng cho ADB nếu họ không có kế hoạch sử dụng.
- Sau khi FI trả lại số vốn chưa sử dụng trong tài khoản tạm ứng của ADG, số kinh phí này có thể được sử dụng để nhân rộng các mô hình trình triển CSAWMP, đã được thực hiện thành công và mang lại hiệu quả kinh tế, ở các tỉnh chưa có. CPMU gửi yêu cầu nhân rộng để xin ADB không phản càng sớm càng tốt để có đủ thời gian thực hiện;
- Về thực hiện quản lý môi trường: (i) CPMU với sự hỗ trợ của LIC để chuẩn bị và phê duyệt IEE cho các hầm KSH quy mô vừa bổ sung để đảm bảo các biện pháp giảm thiểu được thực hiện phù hợp với EARF của dự án và tích hợp EMP trong quá trình xây dựng; (ii) CPMU làm việc với tư vấn môi trường của LIC để cung cấp hướng dẫn sử dụng phụ phẩm KSH và phân ủ làm phân bón, tránh sử dụng quá nhiều phân bón chưa qua xử lý cho đến tháng 10/2018; (iii) CPMU làm việc với chuyên gia tư vấn môi trường của LIC để hướng dẫn và lập kế hoạch sử dụng khí sinh học do hầm KSH quy mô vừa và lớn sản xuất, tránh xả khí vào khí quyển cho đến tháng 11 năm 2018; (iv) CPMU làm việc với PPMU để cải thiện cập nhật cơ sở dữ liệu khí sinh học và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các hộ hưởng lợi khi vận hành hầm KSH quy mô nhỏ, cải thiện vệ sinh và vận hành an toàn các công trình KSH; (v) CPMU hỗ trợ các PPMU trong việc giải quyết vấn đề quá tải của các SBP vào tháng 11/2018; (vi) CPMU, với sự giúp đỡ từ chuyên gia tư vấn môi trường của LIC, hỗ trợ các PPMU sử dụng thiết bị môi trường và thực hiện chương trình lấy mẫu, có thể được tích hợp với kiểm tra khí sinh học và trong SEMR kế tiếp từ tháng 9 năm 2018; và (vii) CPMU và các nhà nghiên cứu CSAWMP nghiên cứu về cách sử dụng phù hợp của máy phát điện cho các hầm KSH quy mô vừa và lớn cho đến tháng 6 năm 2019;
- Về thực hiện các biện pháp an toàn xã hội: (i) CPMU cập nhật kế hoạch EMDP cho 7 tỉnh dự án DTTS với số lượng người thụ hưởng DTTS thực tế của từng tỉnh và cả ngân sách để thực hiện. Kế hoạch EMDP cập nhật cần được đệ trình lên ADB để xem xét và phê duyệt không muộn hơn ngày 15 tháng 10 năm 2018, sau đó trình lên UBND tỉnh phê duyệt và thông báo cho cộng đồng DTTS, và đăng tải trên trang web của ADB không muộn hơn ngày 30 tháng 10 năm 2018; (ii) CPMU và PPMU thực hiện tất cả các hoạt động được quy định trong kế hoạch cập nhật EMDP cho tất cả 7 tỉnh dự án DTTS; (iii) CPMU gửi báo cáo giám sát nội bộ đã được sửa đổi về việc thực hiện EMDP trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2018 cho ADB trước ngày 15 tháng 10 năm 2018; (iv) từ nay đến khi hoàn thành dự án, CPMU và PPMU với sự hỗ trợ của các tư vấn thực hiện khoản vay (LIC) tiến hành giám sát nội bộ về việc thực hiện các hoạt động của EMDP đã được cập nhật và đề xuất các biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện; và (v) CPMU gia hạn hợp đồng với tư vấn xã hội của

LIC (nếu cần) cho đến khi tất cả các hoạt động của EMDP cập nhật đã được hoàn thành đáng kể;

- Về việc thực hiện GAP: (i) CPMU và PPMU tích cực khuyến khích phụ nữ tham gia các khóa đào tạo về xây dựng hầm KSH quy mô vừa và lớn, đặc biệt là lao động nữ để đạt được các mục tiêu GAP; (ii) Các PPMU hợp tác với hội phụ nữ để tổ chức các sự kiện phổ biến với nhóm chỉ dành cho phụ nữ, hoặc thông qua các cuộc họp hội phụ nữ để thông báo các hoạt động của dự án như PPMU Tiền Giang đã thực hiện²; (iii) CPMU thực hiện nhiều khóa đào tạo về giới hơn cho cán bộ CPMU và PPMU còn lại và giới thiệu dự án GAP cho các bên liên quan mới (nhà thầu, cán bộ khuyến nông, vv); và (iv) CPMU thu thập dữ liệu phân tích giới về đào tạo vận hành và bảo trì thiết bị nghiên cứu và giám sát các nhà thầu làm theo mục tiêu GAP (30% nhân viên trong các tổ chức tham gia được đào tạo là phụ nữ); và
- Đoàn đánh giá tiếp theo của ADB sẽ được thực hiện vào tháng ba hoặc tháng tư năm 2019

IV. LỜI CẢM ƠN

44. Đoàn đánh giá bày tỏ lòng biết ơn đối với Bộ NN & PTNT và tất cả các cán bộ cũng như đại diện của các tổ chức đã cung cấp thời gian và sự hợp tác của họ cho Đoàn.

Ký tại Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2018 bởi

HO LE PHONG
Trưởng Đoàn đánh giá, VRM
Ngân hàng Phát triển Châu Á

² PPMU tỉnh Tiền Giang đã phối hợp với các hội phụ nữ cấp huyện và xã để tổ chức các sự kiện phổ biến về hoạt động của dự án cho những người đứng đầu hội phụ nữ, sau đó họ sẽ phổ biến lại cho các thành viên trong hội. Đây là 1 phương án tốt để thu hút sự tham gia của phụ nữ vào các khóa đào tạo, cũng như phổ biến lợi ích của việc sử dụng KSH và CSAWMP.

Danh sách người gặp và làm việc

Tên	Chức vụ	Email Account	Tel. No
MARD			
Lê Quốc Doanh	Thứ trưởng		
Chu Văn Chuông	Phó Vụ trưởng -Vụ Hợp tác Quốc tế	chuongcv.htqt@mard.gov.vn	
Đình Vũ Thạnh	Phó Vụ trưởng, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường	thanhdv.khcn@mard.gov.vn	0913092270
Phạm Thanh Huyền	Phó Vụ trưởng, Vụ Tài chính		
Nguyễn Xuân Khôi	Phó trưởng phòng, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường	khoinx.khcn@mard.gov.vn	0902197668
Lê Minh Tuấn	Chuyên viên, Vụ Hợp tác Quốc tế	tuanlm.htqt@gmail.com	0981626888
Phạm Duy Đông	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT		
Nguyễn Thị Bình Thục	Vụ Tài chính	nbthuc@gmail.com	0914039198
APMB			
Lê Văn Hiến	Trưởng ban	lehen61@gmail.com	0913436769
Trần Văn Lam	Trưởng phòng QLTV	lamtv@apmb.gov.vn	0902055458
Phạm Việt Anh	Phó trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật	phamvietanh.bnn@gmail.com	0913447751
Nguyen Thi Viet Ha	Chuyên viên, Phòng Tài chính kế toán	hanguyen.apmb@gmail.com	0973453028
Bùi Sỹ Tuấn	Chuyên viên, Phòng Tài chính kế toán		
CPMU			
Nguyễn Thế Hinh	Giám đốc dự án	nguyenthe.hinh@gmail.com	0913247782
Vũ Tiến Dũng	Phó giám đốc dự án	vutiendung1972@gmail.com	0913543045
Hoàng Thái Ninh	Phó giám đốc dự án	hoangthaininh@gmail.com	0989198200
Nguyễn Văn Chung	Chuyên viên	chungnguyenvanhd@yahoo.com	01682578578
Đặng Hữu Kiên	Chuyên viên		0912295902
Dương Thị Diễm Hằng	Kế toán	duongdiemhang@gmail.com	0902149939
Lương Huy Hoàng	Chuyên viên	mr.hoang0980@gmail.com	0986854617

Nguyễn Thị Minh Hằng	Chuyên viên	huongng4@gmail.com	01699292871
Nguyễn Thị Ngọc Lan	Chuyên viên		
Nguyễn Thị Thanh Nga	Chuyên viên		
Trịnh Thị Thúy Hồi	Chuyên viên		
Phạm Thị Hương	Accountant		
Nguyễn Thị Thành	Chuyên viên		
Nguyễn Thái Sơn	Chuyên viên		
Trần Phương Thảo	Chuyên viên		
Bùi Thùy Linh	Kế toán		
Hoàng Thị Thu Hằng	Chuyên viên		
Đỗ Thanh Hương	Kế toán		
Tư vấn LIC và các đơn vị khác			
Nguyễn Đình Vinh	Tư vấn tỉnh Phú Thọ	ndvinh@vnua.edu.vn	0913270655
Lê Thị Mộng Phượng	Tư vấn về giới và DTTS	lephuongxhh@gmail.com	0912268809
Lê Thị Thoa	Tư vấn Chuỗi giá trị KSH	lethoabk74@gmail.com	0913003756
Nguyễn Võ Linh	Tư vấn, gói thầu 29		
Bùi Hữu Đoàn	Tư vấn, gói thầu 26		
Lê Như Kiều	Tư vấn, gói thầu 28		
Lê Hùng Tuấn	Tư vấn, gói thầu 27		
Nguyễn Khắc Ánh	Tư vấn, gói thầu 25		
Ngô Thế Hiển	Trung tâm Tin học thống kê		
Nguyễn Thị Liên Hương	Phó trưởng phòng, TTKNQG		
Các ngân hàng			
Nguyễn Viết Hùng	VBARD	viethung_nguyenvba@yahoo.com	0913934065
Trần Thị Minh Thái	VBARD		
Lê Thu Hà	Co-opbank	lethuha262@gmail.com	0904983367

Tien Giang			
Cao Văn Hóa	Phó giám đốc Sở NNPTNT		0918496765
Trần Thanh Phong	Giám đốc dự án, PPMU	ttphongtg@gmail.com	0918287639
Huỳnh Thanh Nông	Phó giám đốc dự án, PPMU	huynhthanhnong@yahoo.com.vn	0983801049
Nguyễn Thị Hoàng Ngân	Kế toán , PPMU	nthngan79@gmail.com	0983238890
Ben Tre			
Nguyễn Thế Nghĩa	Giám đốc dự án, PPMU	lcasepbt@gmail.com	01699073793
Nguyễn Khánh Bình	Chuyên viên, PPMU	ncbinh.knkn@yahoo.com.vn	0919240240
Nguyễn Hải Đăng	Chuyên viên, PPMU	nhdang711@gmail.com	01677198690
Soc Trang			
Quách Văn Tây	Giám đốc dự án, PPMU	taycctyst@gmail.com	0913708736
Cao Tấn Đạt	Chuyên viên, PPMU	caotandat1987@gmail.com	0914614887
Lê Văn Quang	Chuyên viên, PPMU	levanquang68@gmail.com	0918573883
Bình Định			
Lê Ngọc Hùng	Điều phối viên	ngochung05@gmail.com	0907414278
Trần Thị Thu	Kế toán	thu_vahip@yahoo.com.vn	0965378177
Nam Định			
Hoàng Thị Tố Nga	Giám đốc dự án, PPMU	ngasam67@gmail.com	0918951967
Nguyễn Trọng Tấn	Điều phối viên , PPMU	trongtan78@gmail.com	0913472700
Đình Văn Ngọ	Chuyên viên, PPMU	ngonknd@gmail.com	01235737666
Lao Cai			
Phạm Thị Hoa	Phó giám đốc, PPMU	phamhoalc@gmail.com	0919706042
Cao Thị Hòa Bình	Chuyên viên, PPMU	choabinh@gmail.com	0984667817
Nguyễn Thị Khánh Hòa	Chuyên viên, PPMU	nguyenkhanhoa.vfu@gmail.com	0974581286
Hoàng Mạnh Thông	Chuyên viên, PPMU	hoangmanhthong1984@gmail.com	0385627899
Son La			

Lê Văn Thanh	Giám đốc dự án, PPMU	laspsonla@gmail.com	0904109456
Lò Thanh Bang	Điều phối viên , PPMU	banglothanh75@gmail.com	0988432886
Cầm Ngọc Vinh	Chuyên viên, PPMU	camngocvinh94@gmail.com	0972653288
Phu Tho			
Từ Anh Sơn	Giám đốc dự án, PPMU	tusonpt@gmail.com	0989149457
Lê Toàn	Chuyên viên, PPMU	toanknpt@gmail.com	0941487888
Ha Tinh			
Nguyễn Xuân Hoan	Giám đốc dự án, PPMU	xuanhoansnn@gmail.com	0944667999
Nguyễn Xuân Liêm	Kế toán, PPMU	liemhoi@gmail.com	0913350842
Phan Thị Lệ Thủy	Kế toán		
Đặng Danh Khánh	Chuyên viên		
Đinh Ngọc Đức	Chuyên viên		
Nguyễn Hữu Mến	Chuyên viên		
Nguyễn Thị Hoài Thu	Chuyên viên		
Lê Thị Hương Thảo	Kế toán		
Nguyễn Thị Hải Yến	Chuyên viên		
Bac Giang			
Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc dự án, PPMU	kienqseapbg@gmail.com	0949140737
Dương Thế Khoa	Chuyên viên, PPMU	thekhoabg@gmail.com	0985588750

TIẾN ĐỘ HOẠT ĐỘNG TỔNG THỂ DỰ ÁN

(tính đến 31/08/2018)

STT	Hợp phần/ Hoạt động	Chi phí	Trọng số	Số giải ngân	Tỷ lệ theo tiến độ (0 - 100)	Tiến độ theo trọng số
Hợp phần 1: Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi						
1	Tiêu chuẩn hóa và phổ biến gói thiết kế cho chuỗi khí sinh học	50.000	6,0%	37.820	76	4,5%
2	Tăng cường năng lực cho các cơ quan có liên quan nhằm chuyển giao và giám sát các công trình khí sinh học đã xây	19.180	2,3%	9.466	49	1,1%
3	Giám sát giải ngân các khoản trợ cấp cho người thụ hưởng như là một khuyến khích tài chính để triển khai các tiểu dự án	225.200	27,0%	159.823	71	19,2%
4	Nâng cao năng lực về thiết kế, xây dựng, và giám sát các công trình KSH	43.500	5,2%	32.525	75	3,9%
5	Tăng cường năng lực và cung cấp trang thiết bị cho các đơn vị liên quan để quản lý cơ sở dữ liệu KSH quốc gia	1.830	0,2%	1.830	100	0,2%
Hợp phần 2: Tín dụng cho các chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác						
6	Các Định chế tài chính cấp tín dụng cho người thụ hưởng hợp lệ để đầu tư cho Chuỗi giá trị KSH và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác phù hợp với Tiêu chí lựa chọn tiểu dự án	22.798	2,7%	18.282	80,19	2,2%
Hợp phần 3: Tăng cường chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp						
7	Sử dụng các nghiên cứu dựa vào nông dân bao gồm than sinh học và các chất thải nông nghiệp các như phân bón hữu cơ; áp dụng các ứng dụng nông nghiệp phát thải KNK thấp tạo ra năng lượng sinh học, quản lý xử lý chất thải thủy sản và các ứng dụng quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác (CSAWMP)	110.002	13,2%	12.447	11,32	1,5%
8	Xây dựng các mô hình quản lý chất thải chăn nuôi để sản xuất nông nghiệp và giảm phát thải KNK	114.013	13,7%	39.583	35	4,7%
9	Tăng cường năng lực các cán bộ nghiên cứu, cán bộ khuyến nông và nông dân, bao gồm chương trình đào tạo dạy nghề, các gói đào tạo tập huấn, và tham quan học tập về CSAWMP	26.780	3,2%	21.780	81	2,6%
10	Thiết lập một hệ thống thông tin (thư viện điện tử, bộ bản đồ các vùng sinh thái nông nghiệp và hệ thống học tập từ xa) để phổ biến kiến thức và nhận thức về CSAWMP	7.397	0,9%	3.617	49	0,4%
11	Gói thầu 46: Cung cấp hệ thống thiết bị kiểm chứng phục vụ kiểm tra chất lượng nguyên liệu sản xuất và sản phẩm phân bón hữu cơ	35.730	4,3%		-	0,0%
Hợp phần 4: Quản lý dự án hiệu quả						

12	Thành lập Ban QLDA Trung ương và các Ban QLDA tỉnh để hoạt động; Tổ chức hội thảo nâng cao nhận thức về Giới cho các Ban QLDA	124.298	14,9%	85.169	69	10,2%
13	Tuyển tư vấn khởi động, kiểm toán, xây dựng PPMU với dữ liệu phân tách theo giới và DTTS và bao gồm cả giám sát kế hoạch hành động về Giới; tiến hành điều tra cơ bản trên các tỉnh dự án trong đó thu thập và phân tích dữ liệu theo Giới và DTTS; Chuẩn bị báo cáo tiến độ và trình lên ADB định kỳ	53.538	6,4%	39.168	73	4,7%
Tổng		834.266	100%	461.510	769	55,3%

Ti lệ giải ngân chung

(đến 31/08/2018)

Số.	CPMU/ Tỉnh	Vốn dự án yêu cầu (triệu đồng)			Tiền giải ngân thực tế (Triệu đồng)			
		Khoản vay ADB	Vốn đối ứng	Tổng	Khoản vay ADB	Vốn đối ứng	Tổng	%
*	CPMU	298.322	28.807	327.129	103.338	19.229	122.567	37%
1	Binh Dinh	57.359	6.005	63.364	44.478	2.960	47.438	75%
2	Bac Giang	56.257	4.781	61.038	44.694	2.108	46.802	77%
3	Ben Tre	32.158	3.965	36.123	26.181	1.495	27.676	77%
4	Ha Tinh	39.490	6.626	46.116	27.259	3.891	31.149	68%
5	Lao Cai	34.673	4.435	39.108	21.781	2.784	24.565	63%
6	Nam Dinh	53.775	5.858	59.633	31.183	2.129	33.312	56%
7	Phu Tho	73.394	5.695	79.089	48.208	2.793	51.000	64%
8	Soc Trang	32.283	3.939	36.222	17.926	2.229	20.155	56%
9	Son La	25.295	5.978	31.273	16.538	2.446	18.984	61%
10	Tien Giang	28.953	3.422	32.375	18.221	1.358	19.580	60%
11	VBARD	6.337	1.118	7.455	5.998	1.058	7.056	95%
12	Co-opbank	13.041	2.302	15.343	9.541	1.685	11.226	73%
*	IDC	51.115	-	51.115	11.629	-	11.629	23%
Total in VND mil.		802.452	82.929	885.381	426.974	46.165	473.139	53%
Total in USD mil.		35,388	3,657	39,045	19,251	2,081	21,332	55%

Tiến độ thực hiện Các hoạt động tiếp theo đã thống nhất
(Đến tháng 9/2018)

No	Các hoạt động thống nhất	Tiến độ thực hiện
Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi		
1	CPMU và mỗi PPMU cần xem lại các mục tiêu hỗ trợ công trình khí sinh học 3 triệu đồng và 5 triệu đồng và xác định xem có thể đạt được mục tiêu 51.000 và 14.000 tương ứng hay không	Đã thực hiện. Các mục tiêu đã được rà soát và không phản đối bởi ADB
2	Các PPMU ở các tỉnh có vùng sâu vùng xa nên mở rộng phạm vi hoạt động thông qua việc tiến hành các chương trình nâng cao nhận thức.	Đang thực hiện bởi PPMUs
Hợp phần 2: Tín dụng cho chuỗi giá trị khí sinh học và các hạng mục quản lý chất thải nông nghiệp các bon thấp khác		
3	Ngân hàng NN & PTNT và Ngân hàng Hợp tác sẽ nộp hồ sơ hoàn ứng cho các khoản đã giải ngân.	Chưa thực hiện. Chưa có đơn hoàn vốn được gửi cho ADB đến thời điểm hiện tại
4	Ngân hàng NN & PTNT sẽ giữ lại 750 triệu đồng cho việc giải ngân trong giai đoạn 2018-2019 và hoàn trả số dư của khoản tạm ứng ban đầu cho ADB..	Chưa thực hiện. VBARD chưa thực hiện hoàn trả số dư cho tới thời điểm hiện tại
5	Ngân hàng Hợp tác sẽ giữ lại 3,5 tỷ đồng cho việc giải ngân trong giai đoạn 2018-2019 và hoàn lại số dư từ khoản tạm ứng ban đầu cho ADB.	Chưa thực hiện. Co-opbank chưa thực hiện hoàn trả số dư cho tới thời điểm hiện tại
Hợp phần 3: Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp		
6	Trao thầu các gói thầu nghiên cứu 27-29 và 42-43	Thực hiện được một phần: hợp đồng các gói thầu 42-43 chưa được trao
7	Trao thầu gói thầu mô hình 34, 36, và 38	Đã thực hiện.
8	Phê duyệt Báo cáo khởi động của các gói nghiên cứu 25 và 26, bao gồm các đề cương nghiên cứu chi tiết cho phép đủ thời gian để phổ biến, nhân rộng kết quả nghiên cứu	Đã thực hiện.
Đấu thầu		
9	CPMU chuẩn bị kế hoạch thực hiện đấu thầu cho 11 gói thầu còn lại	Đã thực hiện.
10	CPMU giám sát chặt chẽ kế hoạch đấu thầu để đảm bảo trao thầu những gói thầu này trước ngày 31 tháng 5 năm 2018. Nếu không, các gói thầu sẽ bị hủy bỏ.	Đã thực hiện.
11	CPMU gửi cho ADB kế hoạch đấu thầu cập nhật	Đã thực hiện.
Giải ngân		
12	CPMU gửi yêu cầu phát hành PCSS (Tóm tắt Hợp đồng Dự án) và các Đơn Rút rút vốn thường xuyên hơn để thu hẹp sự khác biệt về số liệu giữa ADB và CPMU và tăng tỷ lệ quay vòng tài khoản tạm ứng	Đang thực hiện.

No	Các hoạt động thống nhất	Tiến độ thực hiện
13	CPMU nộp đơn rút vốn để thanh lý/hoàn trả lại tiền tạm ứng mà họ đã nhận được cho đến nay	Đã thực hiện.
14	ADB sẽ tăng cường năng lực bổ sung cho cán bộ tài chính của CPMU và PPMU về thủ tục quản lý tài chính của ADB	Chưa thực hiện: CPMU không yêu cầu ADB do MARD không duyệt ngân sách cho tập huấn do CPMU đề xuất
15	CPMU và PPMU được yêu cầu thực hiện đúng thời hạn giải ngân để đẩy nhanh tiến độ giải ngân.	Đang thực hiện.
16	CPMU và PPMU được yêu cầu báo cáo với ADB về trao thầu và giải ngân hàng tháng.	Đang thực hiện.
Phân bổ vốn ODA và vốn đối ứng		
17	UBND tỉnh Phú Thọ ban hành quyết định giao vốn ODA cho Ban Quản lý Dự án tỉnh Phú Thọ để PPMU có thể giải quyết hồ sơ rút vốn.	Đã thực hiện.
18	CPMU nhanh chóng góp ý kế hoạch chi tiết năm cho các nguồn vốn ODA của Bến Tre, Nam Định và Bắc Giang	Đã thực hiện.
19	Sơn La, Lào Cai, Hà Tĩnh, Bình Định, Tiền Giang và Sóc Trăng phê duyệt kế hoạch chi tiết năm cho các nguồn vốn ODA của PPMU.	Đã thực hiện.
20	Các tỉnh Phú Thọ, Nam Định và Hà Tĩnh phân bổ vốn đối ứng cho PPMU của mình	Đã thực hiện.
Các kiến nghị về an toàn môi trường		
21	Cung cấp hướng dẫn và đào tạo để áp dụng chăn nuôi tiết kiệm nước	Đã thực hiện.
22	Xem xét và sửa đổi thiết kế hiện có của bể lắng và hầm phủ bạt để làm cho xử lý hiệu quả hơn	Đã thực hiện.
23	Hỗ trợ PPMU trong việc giải quyết các vấn đề quá tải công trình KSH quy mô nhỏ	Chưa thực hiện
24	Với sự hỗ trợ của tư vấn môi trường, cung cấp thiết bị môi trường và thực hiện chương trình lấy mẫu, có thể được lồng ghép trong các đoàn kiểm tra, nghiệm thu công trình khí sinh học.	Chưa thực hiện
25	Sử dụng các kết quả lấy mẫu môi trường để phân tích chất lượng môi trường và đưa vào báo cáo giám sát giai đoạn tháng 6-12/ năm 2018	Chưa thực hiện
Các kiến nghị về DTTS		
26	Khuyến khích DTTS tham gia các hoạt động trong kế hoạch về DTTS, đặc biệt là tăng số lượng các SBP được xây dựng cho các vùng DTTS để đạt được mục tiêu đến khi kết thúc dự án.	Đang thực hiện.
27	PPMU rà soát danh sách DTTS tham gia các khóa đào tạo về sử dụng, vận hành công trình KSH và CSWAMP trong số các hộ gia đình DTTS với đã xây dựng công trình nhưng chưa được đào tạo sau đó cung cấp đào tạo bổ sung cho các hộ gia	Đã thực hiện.

No	Các hoạt động thống nhất	Tiến độ thực hiện
	đình trên.	
28	Sử dụng phương pháp đào tạo thích hợp và tổ chức đào tạo tại nơi thích hợp có tham khảo với người DTTS;	Đang thực hiện.
29	Tiến hành cuộc họp tư vấn với người dân tộc thiểu số trước khi đào tạo để đảm bảo cung cấp thông tin và tài liệu đào tạo bằng một hình thức ngôn ngữ thích hợp	Đang thực hiện.
30	Tăng cường năng lực cho các cán bộ đầu mối phụ trách các vấn đề xã hội mới của CPMU / PPMU để có thể thực hiện và giám sát các hoạt động trong kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số;	Đã thực hiện.
31	Tăng cường các hoạt động truyền thông trực tiếp tới người DTTS, bao gồm việc phổ biến thông tin dự án ở cấp thôn và xã ở 6 tỉnh có DTTS;	Đang thực hiện.
32	Theo dõi việc thực hiện kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số và đệ trình cho ADB báo cáo giám sát nội bộ đầu tiên về kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số;	Đã thực hiện.
Các kiến nghị về Kế hoạch hành động về Giới (GAP)		
33	CPMU và PPMU chủ động tập trung mục tiêu vào sự tham gia của nữ giới trong các hoạt động về xây dựng SBP, MBPs và LBP, vận hành công trình và ứng dụng công nghệ CSAWMP cho nông dân.	Thực hiện được một phần: tỷ lệ nữ tham gia khóa đào tạo về xây dựng MBP và LBP chỉ 4,1% thấp hơn so với mục tiêu 15%.
34	PPMU cần tiến hành các hoạt động phổ biến, tư vấn để thông báo về dự án và các công nghệ CSAWMP và đảm bảo 30% các sự kiện tuyên truyền và tham vấn với các nhóm phụ nữ	Thực hiện được một phần: chỉ có 3,26% các sự kiện phổ biến và tham vấn được tham gia với các nhóm chỉ dành cho phụ nữ thấp hơn nhiều so với mục tiêu 30%.
35	CPMU tiến hành thêm nhiều khóa đào tạo về giới cho các cán bộ CPMU và PPMU còn lại và giới thiệu kế hoạch hành động về giới (GAP) cho các bên liên quan mới.	Chưa thực hiện: Chưa có cuộc tập huấn giới nào được tiến hành từ tháng 3/2018 đến tháng 9/2018
36	CPMU với sự trợ giúp của chuyên gia về giới hướng dẫn tất cả các PPMU xem xét các mục tiêu trong GAP chưa đạt được và có các biện pháp mạnh hơn để đạt được các mục tiêu này và hoàn thành kế hoạch hành động về giới (GAP)	Đã thực hiện.
37	CPMU và chuyên gia về giới cần phải hướng dẫn và giám sát các nhà thầu để đảm bảo rằng 30% cán bộ được đào tạo về vận hành và bảo trì trong các hoạt động nghiên cứu là phụ nữ.	Chưa thực hiện: Chưa có số liệu về số người tham gia tập huấn về vận hành và bảo trì trong các thiết bị nghiên cứu.
Đoàn đánh giá tiếp theo		
38	Đoàn đánh giá tiếp theo vào QIII 2018.	Đã thực hiện: ADB tổ chức Đoàn đánh giá từ 14-26/9/2018

Công trình khí sinh học được xây dựng bởi các tỉnh

(Tính đến 31/8/2018)

TT	Tỉnh	Công trình khí sinh học được xây dựng									
		Nhỏ		Vừa		Lớn	Tổng	%	DTTS	%	Đã chuyển tiền hỗ trợ
		3 triệu	5 triệu	10 triệu	50 triệu						
1	Lao Cai	2.435	668		5		3.108	5,63%	1.500	2,7%	2.859
2	Son La	2.057	445		0		2.502	4,54%	1.169	2,1%	2.330
3	Phu Tho	10.435	358	4			10.797	19,57%	322	0,6%	9.010
4	Bac Giang	7.245	1020		9		8.274	15,00%	718	1,3%	7.857
5	Nam Dinh	5.116	259		1	2	5.378	9,75%		0,0%	5.019
6	Ha Tinh	5.121	0	4	2		5.127	9,29%		0,0%	4.970
7	Binh Dinh	7.855	368		5		8.228	14,92%	2	0,0%	7.969
8	Tien Giang	2.783	471		2		3.256	5,90%		0,0%	3.168
9	Ben Tre	5.263	139		3		5.405	9,80%	1	0,0%	5.184
10	Soc Trang	2.816	268		2		3.086	5,59%	1.035	1,9%	3.008
	Tổng	51.126	3.996	8	29	2	55.161	100%	4.747	8,6%	51.374

Đào tạo về khí sinh học

(Tính đến 31/8/2018)

TT	Tỉnh	Đào tạo người sử dụng, thợ xây, kỹ thuật viên, kỹ sư và nhà thầu								
		Người sử dụng		Thợ xây		Kỹ thuật viên		Kỹ sư		Nhà thầu
		Tổng	nữ	Tổng	nữ	Tổng	nữ	Tổng	nữ	
*	CPMU			126	3	710	182	28	4	18
1	Lao Cai	7.432	3.676	49	4	27	7			
2	Son La	2.711	887	29	0	75	11			
3	Phu Tho	18.212	10.025	70	12	127	45			
4	Bac Giang	15.740	7.962	19	1	43	11			
5	Nam Dinh	10.382	5.791			70	13			
6	Ha Tinh	12.818	7.993	126	3	56	14			
7	Binh Dinh	8.444	3.884	50	5	62	8			
8	Tien Giang	6.488	4.120	34	0	25	4			
9	Ben Tre	14.265	5.045	28	5	22	1			
10	Soc Trang	6.314	2.314	57	1	73	1			
Tổng		102.806	51.697	588	34	1.290	297	28	4	18
Tỷ lệ %			50,3%		5,8%		23,0%		14,3%	

Thông tin về các công trình khí sinh học và mô hình tham quan

I. Công trình khí sinh học và mô hình tham quan tại Phú Thọ

1. Trang trại ông: Lê Văn Thức

Địa chỉ: Khu 15 xã Hà Thạch, Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ

Mô tả về hoạt động trang trại:

- Loại gia súc : Lợn 1500
 - Loại cây trồng : bưởi, ổi.
 - Tổng diện tích trang trại 4 ha
 - Hệ thống biogas: 2000 m³.
 - Hoạt động kinh tế khác: Không
 - Ước tính giá trị sản phẩm trang trại: Trang trại nuôi lợn 01 năm 02 lứa. Mỗi lứa 1500 lợn. Tổng số một năm 3000 lợn. Trọng lượng bình quân xuất chuồng 110 kg/con. Hỗ trợ từ dự án LCASP: máy tách phân và hệ thống tưới nước sau biogas.
- Tác động của sự hỗ trợ dự án đến hoạt động trang trại
- Máy tách phân: chạy 2 lần/tuần, mỗi lần thu được khoảng 20 - 25 bao phân (360 - 450 kg), một tháng thu được khoảng 3000 - 3500 kg phân.
 - Tần suất hoạt động của hệ thống tưới phụ thuộc vào thời tiết, trung bình tưới 2-3 lần/tuần.
 - Hiệu quả máy tách phân và hệ thống tưới mang lại: phân hữu cơ rắn và lỏng được trang trại sử dụng để bón và tưới cho cây trồng của trang trại.
 - Nhờ đầu tư của dự án LCASP thông qua hỗ trợ hệ thống máy tách phân và hệ thống tưới nước sau biogas nên đã giảm mức độ ô nhiễm môi trường, hạn chế quá tải công trình biogas, giảm lượng khí gas thừa, nước sau biogas được sử dụng khá triệt để.



2. Khảo sát công trình KSH quy mô nhỏ do phụ nữ đứng chủ công trình.

a) Thông tin công trình 1:

Chủ công trình: Nguyễn Thị Thi, số CMND 130757059, do CA tỉnh Phú Thọ cấp ngày 8/9/2014.

Địa chỉ: Khu 9, thị trấn Phong Châu huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Quy mô chăn nuôi: nông hộ (5 con lợn).

Ngày hoàn thành công trình KSH: 21/2/2017.

Ngày chuyển tiền hỗ trợ: tháng 8/2018.

Thể tích biogas KT1: 12,1 m³.

Thợ xây: Hoàng Văn Tâm. Mã số thợ xây 07.

KTV nghiệm thu: Bùi Quang Ngân.

Tình trạng công trình.

- Đầy đủ hạng mục bể theo tiết kế KT1.
- Công trình hoạt động tốt.

b) Thông tin công trình biogas 2:

Chủ công trình: Nguyễn Thị Hữu, số CMND 132056609, do CA tỉnh Phú Thọ cấp ngày 24/6/2007.

Địa chỉ: Khu 9, thị trấn Phong Châu huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Quy mô chăn nuôi: nông hộ (3 con lợn).

Ngày hoàn thành công trình KSH: 26/2/2017.

Ngày chuyển tiền hỗ trợ: tháng 8/2018.

Thể tích biogas KT1: 12,1 m³.

Thợ xây: Hoàng Văn Tâm. Mã số thợ xây 07.

KTV nghiệm thu: Bùi Quang Ngân.

Tình trạng công trình.

- Đầy đủ hạng mục bể theo tiết kế KT1.

- Công trình hoạt động tốt.



II. Công trình khí sinh học và mô hình tham quan tại Hà Tĩnh:

1. Trang trại ông Trần Nghệ Tĩnh

Địa chỉ: Thôn 3, xã Cẩm Thăng, huyện Cẩm Xuyên; SĐT: 0983024959

Mô tả về hoạt động trang trại:

- Loại gia súc: 4.500 con lợn thịt
- Loại cây trồng : Không
- Tổng diện tích trang trại 4.800 m²
- Hoạt động kinh tế khác: Không

- Ước tính giá trị sản phẩm trang trại: Trang trại nuôi lợn 01 năm 02 lứa. Mỗi lứa 4500 lợn. Tổng số một năm khoảng 9000 lợn thịt. Trọng lượng bình quân xuất chuồng 120 kg/con.

Hỗ trợ từ dự án LCASP: Hệ thống máy tách phân

Tác động của sự hỗ trợ Dự án đến hoạt động trang trại

- Góp phần giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, tăng thu nhập từ việc bán sản phẩm sau tách phân trong tương lai gần, dự kiến bán 50.000đ/bao, trước mắt đang cho các hộ dân khác sử dụng bón cây trồng.

- Nhờ đầu tư của Dự án LCASP cho trang trại máy tách phân nên đã giảm áp lực chất thải ra môi trường như : Khí gas dùng hết không phải đốt, hạn chế ô nhiễm không khí

Một vài hình ảnh trang trại



2. Thông tin về trang trại ông Thái Văn Thiện

Địa chỉ: Thôn 4 - Xã Cẩm Phúc - huyện Cẩm Xuyên - Tỉnh Hà Tĩnh.

Số điện thoại: 0941.968.535

Mô tả về hoạt động trang trại:

- Loại gia súc : Lợn 100 – 150 con.

- Loại cây trồng : Không

- Tổng diện tích trang trại 0,5 ha

- Hoạt động kinh tế khác: Không

- Ước tính giá trị sản phẩm trang trại: Trang trại nuôi cuộn chiếu. Trọng lượng bình quân xuất chuồng 100 kg/con.

Hỗ trợ từ dự án LCASP: Công trình KSH quy mô vừa 52m³

Tác động của sự hỗ trợ dự án đến hoạt động trang trại

- Xử lý được vấn đề về chất thải sau chăn nuôi, có khí gas để sử dụng trong trang trại, ngoài ra chia sẻ khí cho các hộ xung quanh để đảm bảo sử dụng hết khí gas.

- Giảm thiểu mùi hôi, tình trạng ô nhiễm môi trường được cải thiện.



III. Công trình khí sinh học và mô hình tham quan tại Tiền Giang

1. Thông tin về trang trại ông Nguyễn Ngọc Lực

Trang trại ông Nguyễn Ngọc Lực

Địa chỉ: ấp Tân Ninh - Xã Xuân Đông - huyện Chợ Gạo - Tỉnh Tiền Giang

Mô tả về hoạt động trang trại:

- Loại gia súc : heo 1.800
- Loại cây trồng : Dừa, Bưởi da xanh
- Tổng diện tích trang trại 1,2 ha
- Hoạt động kinh tế khác: Không
- Ước tính giá trị sản phẩm trang trại: Trang trại nuôi heo 01 năm 02 lứa. Mỗi lứa 1.800 – 2.000 heo. Tổng số một năm 3.600 – 4.000 heo. Trọng lượng bình quân xuất chuồng 100 - 110 kg/con.

Hỗ trợ từ dự án LCASP: máy phát điện công suất 40KW

Tác động của sự hỗ trợ dự án đến hoạt động trang trại

- Góp phần giảm ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, sử dụng khí gas chạy máy phát điện dùng trong sinh hoạt gia đình và phục vụ chăn nuôi, hàng tháng tiết kiệm 1,5 triệu đồng
- Nhờ đầu tư của dự án LCASP cho trang trại máy phát điện nên đã giảm áp lực chất thải ra môi trường như: Khí gas dùng hết không phải đốt, hạn chế ô nhiễm không khí



2. Thông tin về trang trại ông Lê Hồng Thanh

Địa chỉ: Xã Bình Phan - huyện Chợ Gạo - Tỉnh Tiền Giang

Mô tả về hoạt động trang trại:

- Loại gia súc: heo 1.000 trại kín
- Loại cây trồng: trồng cỏ.
- Tổng diện tích trang trại 1 ha
- Hoạt động kinh tế khác: Không
- Ước tính giá trị sản phẩm trang trại: Trang trại nuôi heo 01 năm 02 lứa. Mỗi lứa 1.000 heo. Tổng số một năm 2.000 heo. Trọng lượng bình quân xuất chuồng 100 - 110 kg/con.

Hỗ trợ từ dự án LCASP: máy tách phân

Tác động của sự hỗ trợ dự án đến hoạt động trang trại

- Góp phần tăng thu nhập từ phân bón; Do mới bắt đầu lắp đặt máy trang trại chưa bán phân. Nhưng trước đây hàng năm trang trại sử dụng phân heo phơi khô trộn chung với phân gà khoảng 13 tấn với giá bình quân 800 - 1000 đ/ kg. Thu nhập được 10 triệu. Trong thời gian tới máy đi vào hoạt động sẽ tăng nguồn thu nhập từ bán phân lên rất cao

- Nhờ đầu tư của dự án LCASP cho trang trại máy tách phân nên đã giảm áp lực chất thải ra môi trường như: Khí gas dùng hết không phải đốt bỏ, hạn chế ô nhiễm không khí, lượng phân sử dụng triệt để giảm ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.



Tình hình hợp phần tín dụng

(Tính đến 31/8/2018)

TT	Tỉnh	Tín dụng_số khoản vay						
		VBARD		Coopbank		Tổng		
		Số khoản vay	Đồng đứng tên vợ-chồng	Số khoản vay	Đồng đứng tên vợ-chồng	Số khoản vay	Đồng đứng tên vợ-chồng	% nữ
1	Lao Cai	127	127			127	127	100%
2	Son La					0	0	
3	Phu Tho	8	8			8	8	100%
4	Bac Giang	69	69	174	174	243	243	100%
5	Nam Dinh					0	0	
6	Ha Tinh					0	0	
7	Binh Dinh	16	16	110	110	126	126	100%
8	Tien Giang	18	18			18	18	100%
9	Ben Tre					0	0	
10	Soc Trang					0	0	
	Tổng	238	238	284	284	522	522	100%

Hiện trạng các gói nghiên cứu
(Tính đến 31/8/ 2018)

Gói số	Tên gói	Dự toán (Triệu VNĐ)	Hiện trạng
25	Nghiên cứu sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học theo chuỗi giá trị	26,787	Đã ký hợp đồng; đã huy động tư vấn; Báo cáo khởi động đã được đệ trình và phê duyệt; Báo cáo rà soát công nghệ đã được đệ trình và đang được góp ý chỉnh sửa
26	Nghiên cứu cải thiện công nghệ khí sinh học và sử dụng hiệu quả khí sinh học theo chuỗi giá trị	22,097	Đã ký hợp đồng; đã huy động tư vấn; Báo cáo khởi động đã được đệ trình và phê duyệt; Báo cáo rà soát công nghệ đã được đệ trình và đang được góp ý chỉnh sửa
27	Nghiên cứu về công nghệ chăn nuôi lợn tiết kiệm nước	13,326	Đã ký hợp đồng; đã huy động tư vấn; Báo cáo khởi động đã được đệ trình và đang được góp ý chỉnh sửa. Chưa đệ trình Báo cáo rà soát công nghệ
28	Nghiên cứu sử dụng hiệu quả chất thải trồng trọt theo chuỗi giá trị	22,800	Đã ký hợp đồng; đã huy động tư vấn; Báo cáo khởi động đã được đệ trình và đang được góp ý chỉnh sửa. Chưa đệ trình Báo cáo rà soát công nghệ
29	Nghiên cứu xử lý bùn thải nuôi tôm ở các ao nuôi tôm	15,314	Đã ký hợp đồng; đã huy động tư vấn; Báo cáo khởi động đã được đệ trình và đang được góp ý chỉnh sửa. Chưa đệ trình Báo cáo rà soát công nghệ
42	Thí điểm công nghệ sản xuất phân hữu cơ khoáng chuyên dùng cho cây trồng chủ lực từ chất thải chăn nuôi và phụ phẩm khí sinh học ở Việt Nam	4,514	Đang tạm hoãn vì không đủ thời gian thực hiện do quá trình đấu thầu kéo dài
43	Xây dựng hệ thống sản xuất và cung ứng chế phẩm VSV chuyển hóa chất hữu cơ phục vụ xử lý chất thải chăn nuôi, chất thải sau khí sinh học và chất thải trồng trọt tại Việt Nam để sản xuất phân bón hữu cơ	4,514	Đang tạm hoãn vì không đủ thời gian thực hiện do quá trình đấu thầu kéo dài

Tình hình thực hiện các gói mô hình trình diễn CSAWMP

(Tính đến 31/8/2018)

Gói số	Tên gói	Tỉnh	Kinh phí (Tỷ VND)	Tình trạng
32	Sử dụng hệ thống máy tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ quy mô trang trại	Bac Giang, Ben Tre, Binh Dinh, và Phu Tho	27,492	Đã ký hợp đồng: 8/8 hệ thống máy tách phân đã được lắp đặt và hoạt động tốt tại Bắc Giang; Hoàn thành hội thảo tuyên truyền; 4/5 hệ thống máy được lắp đặt tại Bến Tre; 4/4 hệ thống máy được lắp đặt tại Bình Định, đang hoạt động tốt; 09/13 hệ thống máy được hoạt động tốt tại Phú Thọ (04 hệ thống đang được lắp đặt)
33	Sử dụng hệ thống máy tách phân để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ quy mô trang trại	Ha Tinh, Nam Dinh, Soc Trang, Son La, và Tien Giang	19,760	Đã ký hợp đồng: 02/2 hệ thống máy tách phân đã được lắp đặt và hoạt động tốt tại Hà Tĩnh; 07/7 hệ thống máy tách phân đã được lắp đặt và đang hoạt động tại Nam Định 01/01 hệ thống máy tách phân đã được lắp đặt tại Sóc Trăng 5/5 hệ thống máy tách phân đã được lắp đặt và đang hoạt động tại Tiền Giang
34	Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi thông qua ứng dụng công nghệ khí sinh học, máy phát điện và máy tách phân	Binh Dinh, Ha Tinh, Nam Dinh và Soc Trang	10,248	Đã ký hợp đồng, 01/01 hệ thống máy tách phân đã được lắp đặt tại Binh Dinh; 01/01 hệ thống máy tách phân đã được lắp đặt tại Ha Tinh; 02/02 hệ thống máy tách phân đã được lắp đặt tại Nam Dinh; 01/01 hệ thống máy tách phân đã được lắp đặt tại Soc Trang;
35	Sử dụng hệ thống máy tách phân di động để xử lý chất thải chăn nuôi làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ quy mô nhóm hộ	Bac Giang, Ben Tre, Binh Dinh và Lao Cai	4,413	Đã ký hợp đồng, Bac Giang đang tiến hành khảo sát và thiết kế bể cho các nhóm hộ (02 hệ thống) Bình Định đang tiến hành khảo sát và thiết kế bể cho các nhóm hộ (02 hệ thống)
36	Sử dụng máy phát điện bằng khí sinh học	Binh Dinh, Ha Tinh, Lao Cai, Soc Trang và Tien Giang	6,272	Đã ký hợp đồng, 01/01 hệ thống máy tách phân đã được lắp đặt và hoạt động tại Binh Dinh; 21/21 hệ thống máy tách phân đã được lắp đặt và hoạt động tại Lao Cai; 01/01 hệ thống máy tách phân đã được lắp đặt và hoạt động tại Soc Trang; 02/02 hệ thống máy tách phân đã được lắp đặt và hoạt động tại Tien Giang
37	Sử dụng nước thải công trình khí sinh học làm phân bón cho cây trồng	Soc Trang và Binh Dinh	4,124	Đã ký hợp đồng, 71/71 hộ đã được lắp đặt và vận hành tại Binh Dinh; 25/25 hộ đã được lắp đặt thiết bị tại Soc Trang
38	Sử dụng phân bò làm nguyên liệu nuôi giun quế	Soc Trang	334	Đã ký hợp đồng, Đang lập kế hoạch và tiến hành khảo sát tại Soc Trang

Tập huấn về CSAWMP
(Tính đến 31/8/2018)

TT	Tỉnh	Số người được đào tạo về CSAWMP			
		Nông dân		Cán bộ khuyến nông	
		Tổng	Nữ	Tổng	Nữ
0	CPMU			274	82
1	Lao Cai	780	302	26	9
2	Son La	784	526	212	77
3	Phu Tho	3.449	1.861	0	0
4	Bac Giang	3.630	2.011	67	31
5	Nam Dinh	2.715	1.374	100	50
6	Ha Tinh	792	539	310	120
7	Binh Dinh	1.401	472	387	82
8	Tien Giang	2.754	1.176	0	0
9	Ben Tre	385	83	322	60
10	Soc Trang	542	307	0	0
Tổng		17.232	8.651	1.698	511
Tỷ lệ%			50,2%		30,1%

Lịch chi trả các hợp đồng dự án vốn vay ADB

Số.	CPMU/ Tỉnh	hoàn vay ADB Yêu cầu (Triệu đồng)	ký. Hợp đồng Giải ngân 31/08/2018	Giải ngân hợp đồng (triệu đồng)										Tỉ lệ %
				2018		2019				2020				
				Tháng 9.	Q IV	Q I	Q II	Q III	Q IV	Q I	Q II	Q III	Q IV	
*	CPMU	298.322	240.928	2.000	43.500	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	1.894			81%
1	Bình Định	57.359	50.235	1.141	2.183	900	2.900							88%
2	Bắc Giang	56.257	47.515	1.491	5.122	1.000	1.129							84%
3	Bến Tre	32.158	27.564	770	942	1.476	1.407							86%
4	Hà Tĩnh	39.490	29.374	3.877	2.878	1.400	1.961							74%
5	Lào Cai	34.673	24.022	1.551	5.912	1.500	1.688							69%
6	Nam Định	53.775	35.937	5.100	7.001	3.338	2.399							67%
7	Phú Thọ	73.394	56.689	3.145	10.119	3.141	300							77%
8	Sóc Trăng	32.283	21.683	3.247	4.847	2.334	172							67%
9	Sơn La	25.295	19.716	1.624	2.342	1.423	190							78%
10	Tiền Giang	28.953	21.577	1.765	2.002	1.937	1.671							75%
11	VBARD	6.337	5.998	34	102	102	102							95%
12	Co-opbank	13.041	9.541	350	1.050	1.050	1.050							73%
Tổng theo triệu đồng		751.337	590.777	26.095	88.000	21.601	16.970	2.000	2.000	2.000	1.894	0	0	79%
Tổng theo triệu đồng		33,193	26,284	1,122	3,783	0,932	0,733	0,086	0,086	0,086	0,081	0,000	0,000	79%

Lịch giải ngân các hợp đồng dự án vốn vay ADB

Số.	CPMU/ Tỉnh	Khoản vay ADB Yêu cầu (Triệu đồng)	Lũy kế Giải ngân theo 31/08/2018	Giải ngân (Triệu đồng)										Tỉ lệ %
				2018		2019				2020				
				Tháng 9.	Q IV	Q I	Q II	Q III	Q IV	Q I	Q II	Q III	Q IV	
*	CPMU	298.322	103.338	20.650	41.422	14.900	41.964	24.847	15.850	15.850	17.671	1.830		35%
1	Binh Dinh	57.359	44.478	4.950	3.809	1.222	2.000	900						78%
2	Bac Giang	56.257	44.694	3.036	6.398	100	1.000	1.029						79%
3	Ben Tre	32.158	26.181	770	2.127	1.674	1.000	406						81%
4	Ha Tinh	39.490	27.259	2.598	3.878	2.769	2.000	986						69%
5	Lao Cai	34.673	21.781	2.559	3.645	3.000	2.689	999						63%
6	Nam Dinh	53.775	31.183	7.100	9.755	2.338	2.399	1.000						58%
7	Phu Tho	73.394	48.208	3.146	18.600	1.140	1.200	1.100						66%
8	Soc Trang	32.283	17.926	4.572	7.279	1.334	872	300						56%
9	Son La	25.295	16.538	3.624	3.520	423	900	290						65%
10	Tien Giang	28.953	18.221	1.028	4.666	1.857	2.180	1.000						63%
11	VBARD	6.337	5.998	34	102	102	102							95%
12	Co-opbank	13.041	9.541	350	1.050	1.050	1.050							73%
g theo triệu đồng		751.337	415.345	54.417	106.251	31.909	59.356	32.859	15.850	15.850	17.671	1.830	0	55%
g theo triệu đồng		33,193	18,751	2,338	4,567	1,375	2,553	1,411	0,681	0,681	0,759	0,079	0,000	56%

Cung cấp tổng thể và Dự báo vốn đối ứng

Số.	CPMU/ Tỉnh	ng vốn đối ứng Yêu cầu (Triệu đồng)	Lũy kế Giải ngân đến 31/12/2017	Vốn đối ứng											Đã giải ngân Tỉ lệ %
				2018			2019				2020				
				Tháng 1 - Tháng 9	Tháng 9	Q IV	Q I	Q II	Q III	Q IV	Q I	Q II	Q III	Q IV	
*	CPMU	28.807	17.529	1.700	900	900	1.478	900	900	900	900	900	900	900	67%
1	Binh Dinh	6.005	2.394	566	67	202	500	500	800	976					49%
2	Bac Giang	4.781	1.749	359	60	250	500	500	500	863					44%
3	Ben Tre	3.965	1.077	418	50	131	500	500	500	789					38%
4	Ha Tinh	6.626	3.450	441	200	260	500	500	500	775					59%
5	Lao Cai	4.435	2.446	338	41	123	300	300	300	587					63%
6	Nam Dinh	5.858	2.129		400	400	700	700	800	729					36%
7	Phu Tho	5.695	2.493	300	100	300	500	500	500	1.002					49%
8	Soc Trang	3.939	1.936	293	124	124	300	300	300	561					57%
9	Son La	5.978	2.011	435	200	230	700	700	900	802					41%
10	Tien Giang	3.422	1.132	226	44	100	500	500	500	420					40%
11	VBARD	1.118	986	73	6	18	18	18							95%
12	Co-opbank	2.302	1.550	135	62	185	185	185							73%
Tổng		82.929	40.882	5.284	2.254	3.223	6.681	6.103	6.500	8.403	900	900	900	900	56%
Tổng yêu cầu vốn đối ứng cho năm 2018				10.760											
Tổng thiếu hụt vốn đối ứng				202											

PHỤ LỤC 4: CAM KẾT CỤ THỂ CỦA DỰ ÁN - THEO HIỆP ĐỊNH

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Điều 4	1	(b) Trong quá trình thực hiện dự án và vận hành các phương tiện của Dự án, Bên vay phải thực hiện hoặc buộc phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ được quy định trong Phụ lục 5 của Hiệp định vay này.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 4	1	(a) Bên vay sẽ giao cho các ĐCTC thực hiện dự án với trách nhiệm và hiệu quả phù hợp với các ứng dụng phát triển, kinh doanh, tài chính, kỹ thuật có thể áp dụng.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	1	Bên vay phải đảm bảo dự án được thực hiện phù hợp với các thoả thuận chi tiết được quy định trong PAM. Bất kỳ thay đổi tiếp theo với PAM sẽ có hiệu lực chỉ sau khi phê duyệt thay đổi đó bằng Bên vay và ADB. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa PAM và Hiệp định này cho vay, các quy định của Hiệp định vay này sẽ được áp dụng.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 3	1	Bên vay sẽ sử dụng số vốn vay để tài trợ cho các chi tiêu của dự án phù hợp với các điều khoản của Hiệp định vay này và Hiệp định dự án.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	2	Bên vay sẽ ký kết Hiệp định vốn vay phụ với mỗi FI, cung cấp các khoản vay lại là một phần trong tiền vốn vay không vượt quá Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi chín nghìn Quyền rút vốn đặc biệt (SDR 23.239.000) tập hợp với tất cả FIs, việc thực hiện các hoạt động dự án của các FIs được mô tả chi tiết tại Phần 1 (ii) của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này, và quyền của bên Vay và ADB. Hiệp định vốn vay phụ sẽ bao gồm các điều khoản, điều kiện được ADB chấp thuận, và sẽ không ảnh hưởng, không giới hạn đến nghĩa vụ của Bên vay trong Hiệp định vay này.	Đã tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	2	(a) Bên vay sẽ (i) duy trì các tài khoản riêng biệt và lưu trữ cho Dự án; (ii) chuẩn bị báo cáo tài chính hàng năm theo các nguyên tắc kế toán được ADB chấp nhận; (iii) các báo cáo tài chính này được kiểm toán hàng năm bởi các kiểm toán viên độc lập có trình độ, kinh nghiệm và các điều khoản tham chiếu được ADB chấp thuận, phù hợp với tiêu chuẩn kiểm toán trong và ngoài nước được ADB chấp thuận; (iv) như là một phần của kiểm toán, các kiểm toán viên chuẩn bị báo cáo (bao gồm cả các ý kiến của các kiểm toán viên về việc sử dụng vốn vay và tuân thủ các thủ tục của tài khoản tạm ứng và bản sao kê chi tiêu) và thư quản lý (đưa ra các thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ của dự án đã được xác định trong quá trình kiểm toán nếu có.); và (v) cung cấp cho ADB không muộn hơn 6 tháng sau khi kết thúc năm tài chính các bản sao sao kê tài chính đã kiểm toán, báo cáo kiểm toán và thư quản lý, tất cả đều bằng tiếng Anh, và các thông tin khác liên quan đến các tài liệu này và việc kiểm toán khi ADB yêu cầu một cách thích hợp tại từng thời điểm.	Đang tuân thủ.	Tài chính
			(b) ADB sẽ công bố Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo trên website của ADB.	Đang tiến hành.	
			(c) Bên vay sẽ tạo điều kiện cho ADB, theo yêu cầu của ADB, thảo luận với các kiểm toán viên về các báo cáo tài chính và các vấn đề tài chính liên quan đến Dự án theo mục (a)(iii) và sẽ ủy quyền và yêu cầu bất cứ đại diện nào của các nhà kiểm toán này tham gia vào bất cứ cuộc thảo luận nào do ADB yêu cầu. Trừ khi Bên vay có thoả thuận khác đi thì các cuộc thảo luận sẽ chỉ được tiến hành với sự có mặt của cán bộ có thẩm quyền của Bên vay.	Đang tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Chương 5	2	(a) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Hiệp định vay có hiệu lực, Bên vay phải nộp bằng chứng bằng văn bản thỏa đáng cho ADB cho thấy một đơn vị hỗ trợ kỹ thuật (TSU) đã được thành lập dưới CPMU để thực hiện các hoạt động tư vấn của dự án đã được miêu tả trong PAM.	Đã tuân thủ.	Khác
			(b) Minh chứng được chuyển giao theo khoản (a) nói trên sẽ bao gồm: (i) Cung cấp tên của các cán bộ hợp tác của các cơ quan nhà nước đã được miêu tả trong PAM cùng nhau tham gia vào TSU; và (ii) Cung cấp tên của người đứng đầu TSU, là người sẽ được xác định trong quá trình thực hiện dự án.	Đã tuân thủ.	
			(c) Bên vay phải đảm bảo hoặc buộc CPMU đảm bảo rằng không có số tiền nào được gửi vào tài khoản phụ của TSU trừ khi và cho đến khi Bên vay đã tuân thủ khoản (a) và (b) trên và điều khoản tham chiếu của mỗi thành viên trong TSU được ADB chấp thuận. Mỗi điều khoản tham chiếu sẽ phản ánh vai trò kỹ thuật và tư vấn của TSU và sẽ không bao gồm bất cứ hoạt động nào có liên quan đến quản lý hoặc thực hiện dự án mà chỉ được thực hiện bởi đơn vị thực hiện dự án và IAs.	Đã tuân thủ.	

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Chương 5	3	Bên vay có trách nhiệm đảm bảo rằng mỗi khoản vay phụ, trừ phi được đồng ý của ADB: (i) là bằng Đồng; (ii) có một khoảng thời gian ân hạn, và tỷ lệ lãi suất được xác định bởi Bên vay phù hợp với thực tiễn cho vay của Bên vay áp dụng đối với cho vay lại nguồn vốn bên ngoài được vay của Bên vay; và (iii) được thực hiện theo các điều khoản và điều kiện khác do ADB chấp nhận.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	4	Bên vay sẽ giao cho các ĐCTC cho vay lại nguồn vốn từ Vốn vay phụ cho Bên hưởng lợi hợp lệ theo Thỏa thuận cho vay lại, Phần 2 của đoạn 2 của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này và phù hợp với các quy định của Hiệp định vay này.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	3	Ngoài các báo cáo và thông tin được quy định tại mục 6,05 của Quy chế vay, Bên vay phải cung cấp, hoặc buộc phải cung cấp cho ADB tất cả các báo cáo và thông tin theo yêu cầu của ADB một cách hợp lý liên quan đến(a) bên hưởng lợi hợp lệ, Tiểu dự án hợp lệ và các khoản vay phụ; và (b) điều kiện quản lý, hoạt động và tài chính của mỗi ĐCTC.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	4	Bên vay phải tạo điều kiện cho các đại diện của ADB kiểm tra Dự án, Hàng hóa và Công trình, bất kỳ bên hưởng lợi hợp lệ, Tiểu dự án hợp lệ và bất kỳ sổ sách và tài liệu liên quan.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Điều 3	5	Số vốn vay sẽ được phân bổ và rút vốn phù hợp với các quy định tại Phụ lục 3 của Hiệp định vay này, Phụ lục này có thể được sửa đổi theo thỏa thuận giữa bên Vay và ADB theo từng thời điểm.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	4	Đối với mỗi dự án xây dựng cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học được tài trợ bởi một khoản vay phụ theo Phần 1 (ii) của Phụ lục 1 trong Hiệp định vay này, Bên vay có trách nhiệm đôn đốc các ĐCTC liên quan để đảm bảo rằng: (i) khoản vay phụ chỉ được thực hiện cho những người hưởng lợi đủ điều kiện cho các tiểu dự án đủ điều kiện; (ii) Công trình khí sinh học được xây dựng bởi các thợ xây có chứng nhận hoặc các nhà thầu tuân thủ với các tiêu chuẩn về kỹ thuật và môi trường có liên quan được chỉ rõ trong Tiêu chí tiểu dự án hợp lệ (iii) Tiêu chí tiểu dự án hợp lệ được thêm vào các tiêu chí đủ điều kiện vốn vay tiêu chuẩn của các ĐCTC để đảm bảo các khách hàng mục tiêu của Dự án đạt được.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	3	Trừ khi ADB có thỏa thuận khác, số tiền vốn vay phụ sẽ chỉ được sử dụng Khoản vay phụ cho Bên hưởng lợi hợp lệ cho Tiểu dự án hợp lệ và sẽ được áp dụng riêng cho chi phí về Hàng hóa, xây lắp và các khoản chi tiêu khác cần thiết để thực hiện từng Tiểu dự án hợp lệ.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 4	5	Bên vay phải hành động kịp thời các hoạt động bao gồm cung cấp kinh phí, cơ sở vật chất, dịch vụ và các nguồn lực khác cần thiết để tạo điều kiện cho các ĐCTC thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hiệp định dự án, và sẽ không thực hiện hoặc cho phép bất kỳ hành động nào ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ đó.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	5	Đối với mỗi cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị khí sinh học vừa và lớn được tài trợ bởi một khoản vay phụ trong phần 2 đoạn 2 của Phụ lục 1 Hiệp định này, bên vay sẽ ưu tiên xây dựng công trình trong một CLZ.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	6	Bên vay phải đảm bảo rằng: (i) các ĐCTC cùng nhau cung cấp tài chính vốn đối ứng với một số tiền không ít hơn \$ 6.300.000 gắn với tài trợ cho các hoạt động dự án được mô tả trong Phần 2 đoạn 2 của Phụ lục 1 của Hiệp định vay này; (ii) mỗi khoản vay phụ có mức lãi suất theo thỏa thuận của Bộ Tài chính và ĐCTC liên quan trong Hiệp định vốn vay phụ liên quan, (iii) tỷ lệ cho lãi suất cho mỗi khoản vay phụ được xác định dựa trên lãi suất và nhu cầu thị trường, và (iv) mỗi khoản vay phụ có các điều khoản, điều kiện khác cũng như các ĐCTC liên quan có thể có các khoản vay thêm cho khách hàng theo thời gian trong các hoạt động kinh doanh thông thường. Trong khi xác định lãi suất áp dụng và các điều khoản và điều kiện cho một khoản vay phụ, bên vay và các ĐCTC sẽ xem xét, và do đó đảm bảo rằng những người hưởng lợi có thể truy cập các nguồn tài chính chấp nhận được để xây dựng các công trình khí sinh học và bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không chỉnh sửa, miễn trừ, bổ sung hoặc các sửa đổi khác được thực hiện với các điều khoản và điều kiện của bất kỳ khoản vay phụ nào đó mà có thể gây nguy hiểm cho nguyên tắc này.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Điều 3	6	Trừ khi ADB có thỏa thuận khác, Bên vay sẽ thực hiện việc mua sắm, buộc phải thực hiện các khoản chi tiêu được tài trợ bằng tiền của khoản vay phù hợp với các điều khoản nêu tại Phụ lục 4 của Hiệp định vay này.	Đang tuân thủ.	Khác

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Điều 4	6	(a) Bên vay sẽ thực hiện các quyền của mình theo các Thỏa thuận vốn vay bổ sung để bảo vệ lợi ích của Bên vay và ADB và để thực hiện được mục đích của Khoản vay.	Đang tuân thủ.	Tài chính
			(b) Quyền hoặc nghĩa vụ theo các hiệp định vay phụ sẽ không được chỉ định, sửa đổi, bãi bỏ hoặc hủy bỏ mà không có sự nhất trí trước đó của ADB.	Đang tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Điều 3	7	Các lần rút vốn từ Tài khoản vay cho mua sắm Hàng hóa, xây lắp và Dịch vụ tư vấn sẽ chỉ được thực hiện cho các khoản chi tiêu có liên quan tới:		Khác
			(a) Xây lắp được thực hiện tại và cung cấp từ/và Dịch vụ tư vấn và xây lắp, được cung cấp từ các nước thành viên của ADB do ADB quy định cụ thể theo từng thời điểm được coi là nguồn mua sắm hợp lệ, và	Đang tuân thủ.	
			(b) Các dịch vụ Hàng hóa, Xây lắp và tư vấn đáp ứng các yêu cầu hợp lệ khác sẽ do ADB quy định cụ thể tại từng thời điểm.	Đang tuân thủ.	
Khoản vay 2968	Chương 5	7	Bên vay sẽ phân bổ một nguồn quỹ cho những người hưởng lợi đủ điều kiện như là một khuyến khích tài chính để thực hiện các tiểu dự án hợp lệ và hỗ trợ phát triển thị trường các bon. Các khoản kinh phí phân bổ sẽ được thực hiện đúng theo PAM.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	8	Trong khía cạnh của một tiểu dự án khả thi, bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc CPMU, các PPMU và các ĐCTC để đảm bảo rằng kinh phí phân bổ không được chuyển vào tài khoản của người hưởng lợi có đủ điều kiện liên quan cho đến khi PPMU phối hợp với tiểu dự án khả thi đã xác nhận với ĐCTC liên quan và ADB theo đó điều tra nợ và thanh tra vật chất và sự chứng nhận theo yêu cầu của đoạn 4 (ii) ở trên, mà tiểu dự án đủ điều kiện như vậy và sự xác nhận đã tuân thủ tất cả các yêu cầu kỹ thuật, xây dựng, môi trường và các yêu cầu khác và biện pháp bảo vệ thiết lập trong Tiêu chuẩn điều kiện của tiểu dự án.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	9	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc CPMU, các PPMU và các ĐCTC để đảm bảo rằng các tiêu chí Tiểu dự án đủ điều kiện không được sửa đổi, bổ sung, miễn, hoãn lại hoặc nếu không sửa đổi trong bất kỳ cách nào mà không có sự đồng ý trước của ADB.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	10	Bên vay phải đảm bảo rằng danh mục đầu tư của các khoản vay phụ được hạch toán và báo cáo một cách riêng biệt bởi các ĐCTC theo mẫu và ở tần số nhất định và có thể được yêu cầu bởi ADB.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	11	Bên vay ngay lập tức thông báo cho ADB bất cứ lúc nào nếu nhận được thông tin từ một ĐCTC rằng: (A) tỷ lệ phần trăm vốn vay phụ không hoạt động được tài trợ bởi ĐCTC đó có khả năng vượt quá 5% của tổng số tiền chưa chi trả của tất cả các khoản vay phụ của ĐCTC đó tại thời điểm đó, và (B) tỷ lệ phần trăm của các khoản vay phụ không hoạt động tài trợ bởi ĐCTC đó có khả năng vượt quá 10% của tổng số tiền chưa chi trả của tất cả các khoản vay phụ của ĐCTC đó tại thời điểm đó ("Giới hạn NPL"). Nếu, vào bất kỳ thời điểm nào mà nhận được thông tin từ một ĐCTC rằng giới hạn NPL đã bị vượt quá, cho đến khi có thông báo mới của ADB, Bên vay sẽ ngay lập tức chấm dứt xử lý bất kỳ hoạt động rút tiền nào tại thời điểm đó hoặc đang diễn ra ở ĐCTC đó và sẽ tạm thời đình chỉ tất cả các quá trình giải ngân trong hiệp định vốn vay phụ ở ĐCTC đó.	Đang tuân thủ.	Tài chính
Khoản vay 2968	Chương 5	12	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không có các tiểu dự án liên quan đến bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện, môi trường hay tác động đến người dân bản địa hoặc các nhóm dân tộc thiểu số mà có thể được phân loại như Thể loại A, trong nội dung của Báo cáo chính sách an toàn.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	13	Bên vay phải đảm bảo rằng: (i) Dự án không có bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện trong nghĩa của Báo cáo chính sách an toàn, và (ii) các khu vực được lựa chọn cho bất kỳ tiểu dự án sẽ được nằm trên đất đã thuộc sở hữu của những người hưởng lợi đủ điều kiện do đó đảm bảo rằng các tiểu dự án sẽ không đòi hỏi bất kỳ việc thu hồi đất nào. Trong trường hợp dự án không có bất kỳ tác động tái định cư không tự nguyện, bên vay phải thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng dự án phù hợp với các luật và quy định của Bên vay và với Báo cáo chính sách an toàn.	Đang tuân thủ.	An toàn

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Chương 5	14	Bên vay phải bảo đảm hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng việc chuẩn bị, thiết kế, xây dựng, thực hiện, hoạt động và không sử dụng của mỗi tiểu dự án đủ điều kiện và các cơ sở dự án tất cả được thực hiện theo quy định: (i) tất cả các luật và quy định của Bên vay liên quan đến sức khỏe, môi trường, và an toàn; (ii) bảo vệ môi trường, (iii) EARF, và (iv) tất cả các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong IEE và EMP tương ứng, và bất kỳ hành động khắc phục hoặc phòng ngừa nào được nêu trong Báo cáo giám sát môi trường.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	15	Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng việc chuẩn bị, thiết kế, thực hiện, xây dựng và hoạt động của mỗi tiểu dự án đủ điều kiện phù hợp với (i) tất cả các luật và quy định của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số; (ii) biện pháp bảo vệ người bản địa, và (iii) tất cả các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong EMDP và bất kỳ hành động khắc phục hoặc phòng ngừa được nêu trong Báo cáo giám sát môi trường.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	16	Bên vay phải đảm bảo rằng các EMDP chuẩn bị cho dự án và được đồng ý với ADB được cập nhật và thực hiện đầy đủ một cách kịp thời, và có đủ nguồn lực được phân bổ cho mục đích này.	Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	17	17. Bên vay phải làm hoặc chỉ đạo các ĐCTC làm như sau: (a) trình báo cáo giám sát môi trường định kỳ nửa năm cho ADB; (b) nếu bất kỳ tác động và rủi ro xã hội hoặc môi trường bất ngờ nào phát sinh trong quá trình thực hiện tiểu dự án đủ điều kiện thì phải kịp thời thông báo cho ADB sự xuất hiện của những rủi ro hoặc tác động đó, với mô tả chi tiết các sự kiện và đề xuất kế hoạch hành động khắc phục; (c) báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm thực tế hoặc tiềm năng của việc tuân thủ các biện pháp và yêu cầu đặt ra trong EARF và bất kỳ EMP hoặc EMDP sau khi nhận thức được hành vi vi phạm.	Đang tuân thủ. Đang tuân thủ. Đang tuân thủ.	An toàn
Khoản vay 2968	Chương 5	18	Bên vay phải chỉ đạo Cơ quan chủ quản dự án để đảm bảo rằng: (i) các hợp đồng cho các công việc liên quan có quy định cấm sử dụng lao động trẻ em và sự khác biệt về tiền lương giữa lao động nam và nữ cho công việc có giá trị như nhau, theo quy định của pháp luật và các quy định có liên quan của Bên vay; (ii) hợp đồng này cũng bao gồm các quy định bắt buộc về y tế, vệ sinh, môi trường và điều kiện làm việc thích hợp, và (iii) các nhà thầu và công nhân của họ quan sát các giao thức địa phương liên quan đến hành vi chấp nhận được đối với người dân địa phương.	Đang tuân thủ.	Xã hội
Khoản vay 2968	Chương 5	19	Bên vay phải đảm bảo rằng kế hoạch hành động về giới chuẩn bị cho dự án và được đồng ý từ ADB, được thực hiện đầy đủ một cách kịp thời, và có đủ nguồn lực được phân bổ cho mục đích này. Kế hoạch hành động về giới cho dự án đảm bảo rằng: (i) ít nhất 20% những người được đào tạo các vấn đề về quản lý khí sinh học và kỹ thuật là phụ nữ, (ii) ít nhất 20% những người được đào tạo và cấp giấy chứng nhận thợ xây xây dựng các công trình khí sinh học cỡ nhỏ là phụ nữ và ít nhất 80% trong số họ tìm được việc làm (iii) ít nhất 50% những người được đào tạo về việc sử dụng công nghệ khí sinh học, vận hành và bảo dưỡng là phụ nữ, (iv) ít nhất 50% những người được đào tạo về quản lý nông trại và quản lý chất thải là phụ nữ (v) ít nhất 30% công nhân được đào tạo về công trình khí sinh học cỡ vừa và lớn là phụ nữ, (vi) ít nhất 50% những người nhận khoản vay phụ từ các ĐCTC sẽ đăng ký đứng tên cả vợ và chồng hoặc phụ nữ đứng tên, (vii) ít nhất 50% những bản đăng ký chính thức mua sắm các hạng mục liên quan đến công trình khí sinh học thuộc dự án sẽ đứng tên cả vợ và chồng hoặc đứng tên người phụ nữ, (viii) 30% các đề tài nghiên cứu được thực hiện dưới phần 3, đoạn 2 của Phụ lục 1 Hiệp định vay này liên quan đến vấn đề giới kết hợp với công trình khí sinh học, (ix) ít nhất 40% trong số được chọn là những người giỏi nhất trong nghiên cứu và phổ biến các công nghệ CSAWMP là phụ nữ; (x) các tài liệu tập huấn về công nghệ và phương pháp phổ biến CSAWMP sẽ ưu tiên về giới và ít nhất 50% các sự kiện phổ biến và tham khảo ý kiến sẽ liên quan đến các nhóm chỉ có phụ nữ, (xi) một cơ sở dữ liệu về dân tộc thiểu số và phân biệt giới được thành lập như là một phần của việc thực hiện dự án và hệ thống giám sát được thiết lập bởi CPMU; (xii) 30% nhân viên của CPMU và PPMU là phụ nữ và CPMU và mỗi PPMU có một điểm đầu mối về giới; và (xiii) chỉ số về giới được bao gồm trong khung giám sát và đánh giá tổng thể của dự án.	Đang tuân thủ.	Xã hội

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Chương 5	20	Bên vay phải đảm bảo rằng trong tất cả các tình dự án, phổ biến thông tin, giáo dục và các hoạt động truyền thông đại chúng được thực hiện một cách kịp thời để thúc đẩy việc nhân rộng ứng dụng và sử dụng công nghệ biogas.	Đang tiến hành.	Xã hội
Khoản vay 2968	Chương 5	21	21. Bên vay phải đảm bảo hoặc đôn đốc các ĐCTC để đảm bảo rằng không có tiền của khoản vay nào được sử dụng để tài trợ cho bất kỳ hoạt động nào bao gồm cả trong danh sách bị cấm hoạt động đầu tư quy định tại Phụ lục 5 của Báo cáo chính sách an toàn.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	22	Bên vay phải thực hiện theo quy định và đôn đốc các Cơ quan chủ quản dự án, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC tuân thủ các chính sách chống tham nhũng của ADB (1998, được sửa đổi đến nay). Bên vay: (i) thừa nhận rằng ADB bảo vệ quyền điều tra trực tiếp, hoặc thông qua các văn phòng, bất kỳ bị cáo buộc tham nhũng, gian lận, thực hành cấu kết liên quan đến dự án, và (ii) đồng ý hợp tác với, và đôn đốc Cơ quan chủ quản, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC hợp tác đầy đủ với các cuộc điều tra và mở rộng tới các hỗ trợ cần thiết, bao gồm cả việc cung cấp quyền truy cập vào tất cả các sách và các hồ sơ có liên quan, có thể cần thiết để hoàn thành thỏa đáng điều tra đó và sẽ cho phép, và đôn đốc Cơ quan chủ quản dự án, TSU, mỗi IA và mỗi ĐCTC để cho phép, ADB để điều tra hành vi vi phạm hoặc vi phạm tiềm năng của các chủ trương.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	23	Không giới hạn tính tổng quát của các khoản trên, Bên vay phải: (i) đảm bảo rằng Cơ quan chủ quản dự án và mỗi IA tiến hành kiểm tra định kỳ về hoạt động của nhà thầu liên quan đến rút tiền tài trợ và các khu định cư, và (ii) đảm bảo và đôn đốc Cơ quan chủ quản dự án và mỗi IA để đảm bảo rằng tất cả các hợp đồng tài trợ của ADB trong kết nối với dự án bao gồm các điều khoản quy định cụ thể quyền của ADB để kiểm toán và kiểm tra các hồ sơ và tài khoản của các nhà thầu, nhà cung cấp, tư vấn, và các nhà cung cấp dịch vụ khác có liên quan đến dự án.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	24	Nếu Bên vay hoặc ADB là hoặc nhận thức hoặc có một sự nghi ngờ hợp lý rằng bất kỳ thành viên nào của Cơ quan chủ quản Dự án, TSU, bất kỳ IA hoặc ĐCTC đã tham gia thực hiện tham nhũng hoặc gian lận (như được định nghĩa trong chính sách chống tham nhũng của ADB (1998 như sửa đổi cho đến nay)) dưới hoặc trong kết nối với dự án hoặc vốn vay, Bên vay sẽ có những hành động kịp thời và thỏa đáng cho ADB để điều tra và / hoặc khắc phục tình hình, kể cả trong trường hợp hành vi tham nhũng hoặc gian lận của một ĐCTC, yêu cầu trả nợ ngay lập tức hoặc nếu không phục hồi bất kỳ phần nào của các khoản vay phụ liên quan, trả nợ, phục hồi được thanh toán kịp thời với ADB để trả lại vốn vay. Nếu Bên vay không thực hiện hành động điều tra và / hoặc khắc phục hậu quả sự hài lòng của ADB, ADB có thể tuyên bố các ĐCTC có liên quan không đủ điều kiện, vĩnh viễn hoặc trong một thời gian quy định, được xem xét như là một nhà cung cấp tài chính trung gian hoặc bất kỳ công cụ tài chính nào khác cho các dự án tương lai của ADB.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	25	25. Ngoài các yêu cầu này, để ngăn chặn tham nhũng và tăng tính minh bạch, Bên vay có trách nhiệm tạo một trang web dự án trong vòng 5 tháng kể từ ngày có hiệu lực, có thể truy cập bởi công chúng, để đưa những thông tin khác nhau liên quan đến dự án bao gồm thông tin chung về dự án, mua sắm công liên quan đến dự án, tiến độ dự án và các chi tiết liên lạc bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Trang web cũng sẽ cung cấp một liên kết đến ADB's Integrity Unit (http://www.adb.org/Integrity/complaint.asp) để báo cáo bất kỳ khiếu nại hoặc tố cáo các hành vi tham nhũng phát sinh từ các hoạt động của dự án. Mỗi hợp đồng, trang web bao gồm các thông tin, danh sách nhà thầu tham gia, tên của đơn vị trúng thầu, chi tiết cơ bản về thủ tục đấu thầu thông qua, số lượng hợp đồng trao giải thưởng, và danh sách hàng hoá / dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn, mua sắm. Bên vay phải đôn đốc Cơ quan Chủ quản Dự án để cho phép bất kỳ nhà thầu nào yêu cầu giải thích lý do tại sao không thành công và hoặc Cơ quan Chủ quản Dự án phải trả lời trong vòng 20 ngày làm việc. Trang web này sẽ được cập nhật kịp thời và thường xuyên sau mỗi hợp đồng được trao thầu (i) mỗi giải thưởng của hợp đồng, (ii) nộp Báo cáo giám sát môi trường hàng năm cho ADB. Ngoài việc đưa trên web, các bên liên quan, bao gồm các tổ chức xã hội dân sự và các tổ chức phi chính phủ, được cung cấp bởi Bên vay với thông tin chi tiết về mua sắm trên các bảng thông báo công khai trong các vùng tương ứng đó.	Đang tuân thủ.	Khác

Khoản vay	Chương	Khố số	Nội dung	Ghi chú	Loại
Khoản vay 2968	Chương 5	26	26. Bên vay có trách nhiệm và chịu trách nhiệm đảm bảo rằng Cơ quan Chủ quản Dự án, mỗi IA và mỗi ĐCTC tuân theo: (i) chính sách của ADB liên quan đến Tăng cường Vai trò của Ngân hàng Phát triển châu Á trong việc chống rửa tiền và tài trợ của khủng bố (2003); và (ii) pháp luật và quy định của Bên vay về chống rửa tiền và tài trợ khủng bố và vốn vay không được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp, trong hoạt động rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	27	Bên vay phải đảm bảo rằng mỗi ĐCTC lập và thực hiện các thủ tục kiểm soát nội bộ, bao gồm cả thủ tục thẩm định khách hàng, để ngăn chặn hành vi vi phạm trên đoạn 26.	Đang tuân thủ.	Khác
Khoản vay 2968	Chương 5	28	28. Bên vay phải đảm bảo mỗi ĐCTC kịp thời thông báo cho Bên vay và ADB nếu có bất kỳ vi phạm hoặc vi phạm tiềm năng trên đoạn 26. Trong trường hợp mà ADB thông báo một ĐCTC quan ngại của mình rằng đã có một hành động bị cáo buộc là vi phạm như vậy, thì ĐCTC có trách nhiệm: (i) hợp tác trung thực cao với ADB và các đại diện của ADB để ADB có thể xác định hành vi vi phạm như vậy đã xảy ra, (ii) đáp ứng kịp thời và chi tiết hợp lý cho bất kỳ truy vấn từ ADB, và (iii) cung cấp hỗ trợ tài liệu để đáp ứng theo yêu cầu của ADB.	Đang tuân thủ.	Khác

PHỤ LỤC 16: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ CẬP NHẬT
Tính đến 31/8/2018

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả																
1	Quản lý chất thải chăn nuôi																		
1.1	Quản lý chuỗi giá trị công trình KSH																		
1.1.1	Bản đồ thống kê DTTS trong các tỉnh tham gia điều tra, sinh kế của người DTTS và liên kết tiềm năng tới chuỗi giá trị công trình KSH.	Đang triển khai	<p><u>Đến cuối tháng 2/2018</u> CSDL bể KSH của Gói 13, với dữ liệu tách riêng cho DTTS, đã được triển khai và cập nhật với 40,764 bể KSH trong toàn dự án. Trong đó 24,046 bể KSH từ 6 tỉnh có DTTS:</p> <p><u>Đến cuối ngày 31 tháng 8 năm 2018</u>, cơ sở dữ liệu cho các bể khí sinh học theo Gói 13, với dữ liệu riêng biệt cho các dân tộc thiểu số, đã được triển khai và cập nhật với 41.849 bể khí sinh học của toàn bộ dự án. Trong đó có 25.633 bể khí sinh học là từ 6 tỉnh có dân tộc thiểu số:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tỉnh</th> <th>Số người dân tộc thiểu số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lào Cai</td> <td>2.144</td> </tr> <tr> <td>Sơn La</td> <td>2.132</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td>8.822</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td>4.600</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td>5.283</td> </tr> <tr> <td>Sóc Trăng</td> <td>2.652</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td>25.633</td> </tr> </tbody> </table>	Tỉnh	Số người dân tộc thiểu số	Lào Cai	2.144	Sơn La	2.132	Phú Thọ	8.822	Bắc Giang	4.600	Bình Định	5.283	Sóc Trăng	2.652	Total	25.633
Tỉnh	Số người dân tộc thiểu số																		
Lào Cai	2.144																		
Sơn La	2.132																		
Phú Thọ	8.822																		
Bắc Giang	4.600																		
Bình Định	5.283																		
Sóc Trăng	2.652																		
Total	25.633																		
1.1.2	Đánh giá nguồn lực và khó khăn đối với DTTS trong xây dựng Công trình KSH	Đang triển khai	<p>Đánh giá trong giai đoạn thực hiện đã được thực hiện ban đầu thông qua việc tham vấn với các tỉnh trong tháng 11/2016.</p> <p>Đánh giá lần 2 vào tháng 5/2017: LIC đã soạn thảo các mẫu đánh giá. CPMU đã gửi thư đến các tỉnh DTTS và nhận được phản hồi từ một số tỉnh.</p> <p>Đánh giá các nguồn lực và khó khăn cho người DTTS để xây dựng bể khí sinh học đã được thực hiện bởi LIC trong khóa đào tạo về Giới và DTTS ở Thái Nguyên cho cán bộ từ 4 tỉnh.</p>																
1.1.3	Xây dựng công trình KSH quy mô nhỏ cho người DTTS	Đang triển khai	<p><u>Đến cuối ngày 31 tháng 8 năm 2018:</u></p> <p>Chỉ tính riêng 6 tỉnh có DTTS, có 35.970 bể khí sinh học nhỏ được xây dựng, trong đó có 4.746 hộ gia đình dân tộc thiểu số (chiếm 13,2% tại 06 tỉnh được chọn).</p> <p>Tại 10 tỉnh, Dự án đã xây dựng 55.122 nhà máy khí sinh học nhỏ, trong đó có 4.747 nhà máy cho các hộ dân tộc thiểu số (chiếm 8,6% tổng số nhà máy khí sinh học nhỏ tại 10 tỉnh dự án (Bến Tre có 01 hộ dân tộc).</p>																

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
1.1.4	Tổ chức chia sẻ lợi ích của chuỗi giá trị công trình KSH từ người làm chủ công trình KSH cho cộng đồng DTTS	Đang triển khai	Dự án đã tổ chức nhiều hoạt động truyền thông để phổ biến thông tin về dự án bao gồm cả đề xuất chia sẻ lợi ích từ chuỗi giá trị KSH (năng lượng và phân hữu cơ) từ các chủ công trình KSH. <u>Tính đến 31/8/2018</u> , đã tiến hành phổ biến thông tin ở 6 tỉnh có DTTS bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - 473 hội nghị hội thảo tuyên truyền - 129 lượt truyền hình - 1.663 lượt phát thanh - 121 bài báo - 8.678 bảng tin - 15.500 poster - 89.000 tờ rơi - 38 video clip
1.1.5	Giám sát quản lý chuỗi giá trị công trình KSH trong cộng đồng DTTS	Đang triển khai	<u>Tính đến tháng 31/8/2018</u> : Toàn bộ 10 tỉnh đã xây dựng 55.122 hầm, gồm 4.747 hầm cho DTTS, đều đã được giám sát và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật về quản lý chuỗi giá trị KSH của dự án
1.2 Tiếp cận thị trường các bon			
1.2.1	Đánh giá các khoản đầu tư hướng tới DTTS có thể liên quan tới việc phát thải khí carbon	Đang triển khai	Tất các cơ sở dữ liệu về hầm KSH của người DTTS sẽ cung cấp cho Chương trình KSH Quốc gia để hỗ trợ cho chương trình tín dụng các bon <u>Số liệu lũy kế đến 31/8/2018</u> , Dự án đã cung cấp 55.122 hầm khí sinh học, trong đó 4.747 hầm khí sinh học được xây dựng cho DTTS ở 6 tỉnh có DTTS (chiếm 8,6% tổng số hầm khí sinh học ở 10 tỉnh dự án).
1.2.2	Đào tạo các DTTS về thực hành CSAWMP có liên quan tới thị trường khí carbon	Đang triển khai	<u>Số liệu lũy kế đến 31/8/2018</u> : 17.232 người thuộc 10 tỉnh dự án đã được tập huấn về CSAWMP, trong đó có 1.998 người dân tộc thiểu số, chiếm 11,6%. <i>Chỉ tính riêng 6 tỉnh có DTTS, số lượng người DTTS được đào tạo chiếm 18,87% (1.998 / 10.586)</i>
1.2.3	Đánh giá các Định chế tài chính phù hợp cho DTTS tiếp cận tín dụng		Ngân hàng chính sách xã hội được đề xuất bổ sung vào các định chế tài chính của dự án tuy nhiên quá trình thương thảo chưa đạt được.
1.3	Duy trì bền vững chuỗi giá trị KSH		
1.3.1	Đào tạo DTTS quản lý chăn nuôi và chất thải	Đang triển khai	Dự án cung cấp các khóa đào tạo về vận hành hầm KSH và CSAWMP cho người tham gia quản lý chăn nuôi và chất thải chăn nuôi.

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
1.3.1 a	Đào tạo về CSAWMP:	Đang triển khai	<u>Số liệu lũy kế đến 31/8/2018</u> : 17.232 người trong 10 tỉnh đã được tập huấn về CSAWMP, trong đó có 1.998 người dân tộc thiểu số, chiếm 11,6%. Chỉ tính riêng 6 tỉnh có DTTS (Sơn La, Lào Cai, Bắc Giang, Phú Thọ, Bình Định và Sóc Trăng), số lượng người DTTS được đào tạo chiếm 18,87% (1.998 / 10.586)
1.3.2 (b)	Đào tạo về sử dụng KSH quy mô nhỏ là DTTS	Đang triển khai	<u>Tính đến 31/8/2018</u> , trong số 34.795 người được đào tạo tại 06 tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số và trong số 57.962 người thuộc dự án, 4.475 người dân tộc thiểu số đã được tập huấn về sử dụng các công trình khí sinh học nhỏ, chiếm 12,86% và 7,72% tương ứng.
1.3.2 (c)	Hướng dẫn vận hành tại nhà (trong quá trình KTV đi nghiệm thu, kiểm tra)	Đang triển khai	<u>Tính đến 31/8/2018</u> , trong số 34.795 người được đào tạo tại 06 tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số và trong số 57.962 người tham gia dự án, 4.475 người dân tộc thiểu số đã được tập huấn về vận hành các công trình khí sinh học nhỏ, chiếm tương ứng 12,86% và 7,72%.
1.3.3	Tạo điều kiện để DTTS tiếp cận tín dụng	Đang triển khai	Tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2018, số lũy kế hộ được tiếp cận tín dụng là 520, bao gồm 92 hộ DTTS chiếm 17,7%. Lý do thay đổi lớn trong dữ liệu đã được làm rõ bởi bên Tư vấn là các số liệu trong nhiệm vụ trước là mục tiêu không thực hiện thực tế.
2	Chuyển giao công nghệ CSAWMP		
2.1	Phát triển CSAWMP		
2.1.1	Đảm bảo rằng các vùng DTTS có trong hệ thống bản đồ khí hậu nông nghiệp chi tiết của Dự án	Đang triển khai	Việc đưa các khu vực DTTS vào bản đồ khí hậu nông nghiệp của dự án đang được triển khai Bản đồ hiện nay đã được bên cung cấp triển khai gói thầu số 19 chuẩn bị và ký hợp đồng vào 11/04/2016. 6 tỉnh có DTTS đã được cập nhật vào bản đồ
2.1.2	Phổ biến kiến thức về CSAWMP thông qua thư viện điện tử để nâng cao kỹ năng và kiến thức cho DTTS	Đang triển khai	Gói thầu được ký hợp đồng vào ngày 11/4/2017. Nhà thầu đang làm việc với các bên liên quan theo ĐKTC. Thiết bị sẽ được mua sau khi thiết kế được hoàn thiện.
2.1.3	Đảm bảo phân bón hữu cơ được sử dụng tại vùng DTTS	Đang triển khai	Tất cả người DTTS tham gia dự án được trang bị kiến thức về sản xuất phân hữu cơ từ bùn thải KSH và sử dụng phân bón hữu cơ. Ngoài ra việc sử dụng phân bón hữu cơ ở vùng DTTS sẽ được lồng ghép vào các gói trình diễn hoặc nghiên cứu liên quan đến sản xuất phân hữu cơ. Người DTTS đã tham gia vào các khóa đào tạo về quản lý chất thải chăn nuôi do CPMU và các PPMU tổ chức. Người DTTS cũng được đi tham quan các mô hình trình diễn và nghiên cứu của dự án.

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
			Tháng 12/2017, 2 mô hình trình diễn về máy tách phân đã được triển khai ở 9 trên 10 tỉnh (ngoại trừ Lào Cai). 1 gói thầu máy phát điện đã được triển khai ở Lào Cai, Bến Tre, Tiền Giang và Sóc Trăng. 1 gói thầu sử dụng bùn thải KSH đã được triển khai ở Bình Định và Sóc Trăng
2.1.4	Đảm bảo DTTS nằm trong nhóm cộng đồng thực hiện quản lý chất thải chăn nuôi	Đang triển khai	Tính đến 28/2/2018, người DTTS đã tham gia vào các khóa đào tạo về quản lý chất thải chăn nuôi do CPMU và các PPMU tổ chức
2.1.5	Khuyến khích ít nhất 30 % số người tham gia thúc đẩy CSAWMP thuộc các DTTS là phụ nữ	Đang triển khai	Dự án đã đào tạo cho 17.232 nông dân về CASWMP, bao gồm 1.998 người DTTS (11.6%). Tính đến 31/8/2018, Dự án đã đào tạo được 1.698 cán bộ khuyến nông về CSAWMP, trong đó có 343 người DTTS (20,20%). Trong số 344 cán bộ khuyến nông DTTS được đào tạo, có 124 nữ, chiếm 36,15%.
2.2	Mô hình CSAWMP Models/ Chuyển giao phát triển công nghệ		
2.2.1	Đảm bảo rằng các nhà nghiên cứu và cán bộ khuyến nông đào tạo đúng theo tiến độ và tài liệu về CSAWMP đối với DTTS	Đang triển khai	Tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2018, 6 tỉnh có người DTTS đã đào tạo cho 692 cán bộ khuyến nông, bao gồm 317 nhân viên người DTTS, (45,8%).
2.2.3	Phổ biến kỹ năng và kiến thức về CSAWMP cho những người chủ công trình KSH và những người nông dân trong vùng DTTS	Đang triển khai	Dự án đã đào tạo cho 17.232 nông dân về CSAWMP, trong đó có 1,998 người DTTS (11.6%).
2.3	Mô hình Chuỗi giá trị công trình KSH		
2.3.1	Đánh giá mức độ dư thừa khí sinh học, điện, phụ phẩm sinh học đối với DTTS	Đang triển khai	Các tỉnh đã đánh giá thường xuyên về việc sử dụng khí thừa cho máy phát điện và sử dụng bùn thải KSH cho cây trồng. Phần lớn các hộ có bể KSH đã sử dụng khí thừa và bùn thải KSH. Ngoài ra, hoạt động này cũng sẽ được thực hiện trong các gói nghiên cứu

TT	Hoạt động	Tình trạng	Kết quả
2.3.2	Quản lý khí, điện và phân bón hữu cơ từ công trình KSH cho các DTTS	Đang triển khai	<p>100% DTTS được đào tạo và hướng dẫn về việc sử dụng hết khí ga, điện năng và phân hữu cơ từ hầm KSH. Dựa trên kết quả khảo sát dữ liệu cơ sở năm 2016 và các chuyến thăm thực địa của Chuyên gia Tư vấn Môi trường của LIC, các hộ tham gia dự án sử dụng chất thải sau KSH làm phân hữu cơ tưới cây cho vườn và trang trại của mình; hoặc chia sẻ với các hộ dân xung quanh. Về mặt quản lý khí ga, khí ga được dùng để nấu ăn, làm nóng nước, làm ấm chuồng gia súc hoặc chia sẻ với hàng xóm. Trong trường hợp thừa khí ga chủ hầm KSH đã đốt chúng chứ không xả trực tiếp ra môi trường.</p> <p>Tính đến 31/8/2018, trong số 34.795 người được đào tạo tại 06 tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số và trong số 57.692 người thuộc dự án, 4.475 người dân tộc thiểu số đã được tập huấn về vận hành các công trình khí sinh học nhỏ, chiếm 12,86% và 7,7%.</p>
3	Quản lý dự án		
3.1	Thiết lập các chỉ số hướng mục tiêu tới các DTTS trên địa bàn tỉnh	Chưa tới hạn	Tư vấn Giới và DTTS sẽ thực hiện nhiệm vụ này.
3.2	Đảm bảo cán bộ chịu trách nhiệm về chính sách an toàn đưa vào hoạt động hỗ trợ người DTTS vào kế hoạch làm việc của họ	Đang triển khai	<p>(i) Tư vấn Giới và DTTS đã tiến hành một khóa đào tạo cho cán bộ đầu mối về giới và cán bộ kỹ thuật về vấn đề lồng ghép giới và DTTS và huy động người DTTS vào các hoạt động của dự án trong tháng 6/2017 ở Thái Nguyên.</p> <p>Từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2017, 2 khóa đào tạo được tổ chức ở Cần Thơ và 1 khóa ở Quy Nhơn về vấn đề Giới và DTTS. Các giảng viên đã hướng dẫn các cán bộ về chính sách an toàn của các tỉnh có DTTS cách chuẩn bị KH quý và KH năm để hỗ trợ người DTTS.</p> <p>(ii) Gửi KHPT DTTS cho tất cả các tỉnh</p> <p>(iii) Xem xét các hoạt động trong KHPT DTTS và đưa ra hướng dẫn cho các tỉnh</p> <p>(iv) Xây dựng công cụ đánh giá để đánh giá những khó khăn mà DTTS gặp phải khi tiếp cận với công trình KSH và tín dụng</p> <p>6 tỉnh có DTTS đã gửi báo cáo cho CPMU và LIC về kết quả đánh giá việc triển khai KHPT DTTS cũng như kế hoạch lồng ghép giới và DTTS. Đầu ra của các kế hoạch này đã được đưa vào trong báo cáo giám sát nội bộ.</p>
3.3	Đảm bảo các định chế tài chính hỗ trợ DTTS	Đang triển khai	Tính đến 31/8/2018, số liệu cộng dồn các hộ được tiếp cận với tín dụng là 520, trong đó có 92 hộ DTTS chiếm 17,7 %.

Phụ lục 17:

BẢNG GIÁM SÁT KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIỚI (GAP) CẬP NHẬT

Dự án: Khoản vay 2968-VIE: Dự án Hỗ trợ nông nghiệp Carbon thấp

Ngày cập nhật: 31/8/2018

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																																																				
1. Cơ sở hạ tầng quản lý chất thải chăn nuôi mở rộng	1• T1: Ít nhất 20% số người được đào tạo về quản lý KSH và các vấn đề kỹ thuật là phụ nữ	<p>• Đang thực hiện/đã đạt được: Dự án đã tổ chức các khóa đào tạo cho đội ngũ kỹ thuật viên về quản lý và kỹ thuật khí sinh học (KSH). Trong số 1.290 người tham gia có 297 phụ nữ (23%).</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Tổng</th> <th>Nữ</th> <th>% phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CPMU</td> <td>710</td> <td>182</td> <td>25,6</td> </tr> <tr> <td>Lào Cai</td> <td>27</td> <td>7</td> <td>25,9</td> </tr> <tr> <td>Sơn La</td> <td>75</td> <td>11</td> <td>14,7</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td>127</td> <td>45</td> <td>35,4</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td>43</td> <td>11</td> <td>25,6</td> </tr> <tr> <td>Nam Định</td> <td>70</td> <td>13</td> <td>18,6</td> </tr> <tr> <td>Hà Tĩnh</td> <td>56</td> <td>14</td> <td>25</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td>62</td> <td>8</td> <td>12,9</td> </tr> <tr> <td>Tiền Giang</td> <td>25</td> <td>4</td> <td>16</td> </tr> <tr> <td>Bến Tre</td> <td>22</td> <td>1</td> <td>4,5</td> </tr> <tr> <td>Sóc Trăng</td> <td>73</td> <td>1</td> <td>1,4</td> </tr> <tr> <td>Tổng</td> <td>1.290</td> <td>297</td> <td>23</td> </tr> </tbody> </table>		Tổng	Nữ	% phụ nữ	CPMU	710	182	25,6	Lào Cai	27	7	25,9	Sơn La	75	11	14,7	Phú Thọ	127	45	35,4	Bắc Giang	43	11	25,6	Nam Định	70	13	18,6	Hà Tĩnh	56	14	25	Bình Định	62	8	12,9	Tiền Giang	25	4	16	Bến Tre	22	1	4,5	Sóc Trăng	73	1	1,4	Tổng	1.290	297	23	- PPMU cần ý thức và nỗ lực đào tạo thêm nhiều kỹ thuật viên nữ trong tương lai: Sơn La (SL), Nam Định (ND), Tiền Giang (TG), Sóc Trăng (ST), Bình Định (BD) và Bến Tre (BT)
		Tổng	Nữ	% phụ nữ																																																			
CPMU	710	182	25,6																																																				
Lào Cai	27	7	25,9																																																				
Sơn La	75	11	14,7																																																				
Phú Thọ	127	45	35,4																																																				
Bắc Giang	43	11	25,6																																																				
Nam Định	70	13	18,6																																																				
Hà Tĩnh	56	14	25																																																				
Bình Định	62	8	12,9																																																				
Tiền Giang	25	4	16																																																				
Bến Tre	22	1	4,5																																																				
Sóc Trăng	73	1	1,4																																																				
Tổng	1.290	297	23																																																				
	2• T2. Ít nhất 50% số người dùng được	<p>• Đang thực hiện/đạt được một phần: Tổng số người tham gia là 102.806 người, trong đó có 51.697 người là phụ nữ (50,3%)¹</p>	Các tỉnh Sơn La, Sóc Trăng và																																																				

¹ Ông Lam Soan, bà Triệu Thị Kum Mang và bà Trịnh Thị Thu Vân (thôn Bó Liên 2, xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng), các hộ này được hỗ trợ 3 triệu VND để xây SBP và đã tham gia tập huấn sử dụng biogas và quản lý chất thải ở xã và tại nhà. Theo họ, trước khi xây dựng hầm KSH, môi trường khu vực này rất ô nhiễm, do phân bò trực tiếp thải vào kênh mương. Từ khi xây dựng hầm KSH, môi trường tốt lên rất nhiều và họ sử dụng gas để đun nấu và tiết kiệm được tiền mua khí đốt. Bà Kum Mang vay 9 triệu VND từ Ngân hàng CSXH và trả lãi suất 90.000 VND/tháng. Bà Lê Thị Yến, thôn Dương Quế, xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, hộ gia

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ				Các vấn đề/thách thức		
			Tổng	Nữ	% nữ			
	đào tạo về sử dụng hầm KSH là phụ nữ	Lào Cai	7.432	3.676	49,5	Bến Tre cần phải tăng cường các hoạt động đào tạo thực hành tại nhà cho tất cả các thành viên trong gia đình, đặc biệt là đối với phụ nữ vì họ chủ yếu chịu trách nhiệm vận hành và bảo trì các công trình khí sinh học.		
		Sơn La	2.711	887	32,7			
		Phú Thọ	18.212	10.025	55			
		Bắc Giang	15.74	7.962	50,6			
		Nam Định	10.382	5.791	55,8			
		Hà Tĩnh	12.818	7.993	62,4			
		Bình Định	8.444	3.884	46			
		Tiền Giang	6.488	4.12	63,5			
		Bến Tre	14.265	5.045	35,4			
		Sóc Trăng	6.314	2.314	36,6			
		Tổng	102.806	51.697	50,3			
		<p>3• Ít nhất 20% những người được đào tạo về xây dựng công trình khí sinh học (KSH) cỡ nhỏ là nữ</p> <p>Được điều chỉnh thành 7% trong Đợt Đánh giá giữa kỳ (ĐGGK)</p>	<p>Đang thực hiện/đạt được một phần: CPMU và PPMU đã tiến hành các khóa tập huấn xây dựng các công trình khí sinh học nhỏ với 462 người tham gia bao gồm 31 phụ nữ (6,7%).</p>				<p>- Thợ xây hầm KSH thường là các thợ chuyên nghiệp và lành nghề và được đào tạo chuyên sâu về hầm KSH. Đây là nghề đòi hỏi có tay nghề cao nhưng lại không toàn thời gian nên rất khó khăn cho phụ nữ để được đào tạo và trở thành thợ xây.</p> <p>- Những người tham gia là nữ ở các tỉnh SL, BG, HT, TG và ST thấp hơn mục tiêu -> PPMU ở tỉnh nỗ lực đào tạo thợ xây nữ để tuyển dụng tích cực và đào tạo nhiều thợ xây nữ hơn.</p>	
			CPMU/PPMU	Tổng số khóa	Phụ nữ			% Phụ nữ
CPMU	0		0	0				
Lào Cai	49		4	8,2				
Sơn La	29		0	0				
Phú Thọ	70		12	17,1				
Bắc Giang	19		1	5,3				
Nam Định	0		0	0				
Hà Tĩnh	126		3	2,4				
Bình Định	50		5	10				
Tiền Giang	34		0	0				
Bến Tre	28		5	17,9				

đình được hỗ trợ 5 triệu để xây dựng SBP (hộ có nữ làm chủ), bà được đào tạo về sử dụng khí sinh học tại nhà trong quá trình lắp đặt nhà thầu SBP.

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ				Các vấn đề/thách thức																								
		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 33%;">Sóc Trăng</td> <td style="width: 16.5%; text-align: center;">57</td> <td style="width: 16.5%; text-align: center;">1</td> <td style="width: 33.5%; text-align: right;">1,8</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td style="text-align: center;">462</td> <td style="text-align: center;">31</td> <td style="text-align: right;">7%</td> </tr> </table>				Sóc Trăng	57	1	1,8	Total	462	31	7%																	
Sóc Trăng	57	1	1,8																											
Total	462	31	7%																											
	<p>4• T4. Ít nhất 30% số người được đào tạo về MBP và LBP là nữ. <i>(Được điều chỉnh thành 15% trong đợt ĐGGK)</i></p>	<p>• Đang thực hiện/đạt được một phần: CPMU đã tiến hành các khóa đào tạo về xây dựng MBP và LBP cho 172 kỹ sư, nhà thầu và công nhân bao gồm 7 phụ nữ (4,1%).</p>				<p>Số lượng các kỹ sư nữ và các đại diện của nhà thầu là ít, và do đó rất khó để đáp ứng mục tiêu đào tạo dự án với sự tham gia của phụ nữ</p>																								
<p>2. Các khoản tín dụng đầu tư cho cơ sở hạ tầng chuỗi giá trị KSH</p>	<p>5. T5. Ít nhất 50% người nhận tín dụng được đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc đăng ký dưới tên của phụ nữ.</p>	<p>• Đang thực hiện/đã đạt được: Có 520 người vay tín dụng, trong đó 520 người đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc dưới tên của phụ nữ (100%).</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>PPMU</th> <th>Tổng</th> <th>Chồng-Vợ hoặc phụ nữ</th> <th>% chồng-vợ hoặc phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lào Cai</td> <td style="text-align: center;">128</td> <td style="text-align: center;">128</td> <td style="text-align: center;">100</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td style="text-align: center;">5</td> <td style="text-align: center;">5</td> <td style="text-align: center;">100</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td style="text-align: center;">243</td> <td style="text-align: center;">243</td> <td style="text-align: center;">100</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td style="text-align: center;">126</td> <td style="text-align: center;">126</td> <td style="text-align: center;">100</td> </tr> <tr> <td>Tiền Giang</td> <td style="text-align: center;">18</td> <td style="text-align: center;">18</td> <td style="text-align: center;">100</td> </tr> </tbody> </table>				PPMU	Tổng	Chồng-Vợ hoặc phụ nữ	% chồng-vợ hoặc phụ nữ	Lào Cai	128	128	100	Phú Thọ	5	5	100	Bắc Giang	243	243	100	Bình Định	126	126	100	Tiền Giang	18	18	100	<p>Các hộ gia đình phải có giấy tờ được ủy quyền từ vợ / chồng của họ và được Ủy ban nhân dân xã chứng nhận để đăng ký các tài khoản dưới tên của họ.</p>
PPMU	Tổng	Chồng-Vợ hoặc phụ nữ	% chồng-vợ hoặc phụ nữ																											
Lào Cai	128	128	100																											
Phú Thọ	5	5	100																											
Bắc Giang	243	243	100																											
Bình Định	126	126	100																											
Tiền Giang	18	18	100																											

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ				Các vấn đề/thách thức																												
		Total	520	520	100																													
		<p>• Đang thực hiện/đã đạt được: Có 520 người vay tín dụng, trong đó 520 người đăng ký theo tài khoản chung của vợ và chồng hoặc dưới tên của phụ nữ (100%).</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>PPMU</th> <th>Tổng</th> <th>Chồng-Vợ hoặc phụ nữ</th> <th>% chồng-vợ hoặc phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lào Cai</td> <td>128</td> <td>128</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td>5</td> <td>5</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td>243</td> <td>243</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td>126</td> <td>126</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Tiền Giang</td> <td>18</td> <td>18</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>Total</td> <td>520</td> <td>520</td> <td>100</td> </tr> </tbody> </table>				PPMU	Tổng	Chồng-Vợ hoặc phụ nữ	% chồng-vợ hoặc phụ nữ	Lào Cai	128	128	100	Phú Thọ	5	5	100	Bắc Giang	243	243	100	Bình Định	126	126	100	Tiền Giang	18	18	100	Total	520	520	100	
PPMU	Tổng	Chồng-Vợ hoặc phụ nữ	% chồng-vợ hoặc phụ nữ																															
Lào Cai	128	128	100																															
Phú Thọ	5	5	100																															
Bắc Giang	243	243	100																															
Bình Định	126	126	100																															
Tiền Giang	18	18	100																															
Total	520	520	100																															
3. Tăng cường chuyển giao công nghệ CSAWMP	7. A1. Chiến lược nghiên cứu cứu nạn về giới được chuẩn bị	<p>• Đã đạt được:</p> <p>Chiến lược nghiên cứu chỉ đạo các hoạt động nghiên cứu về CSAWMP đã được xây dựng vào năm 2015. Chiến lược nghiên cứu này phân tích các công nghệ hiện có về chất thải nông nghiệp và phụ phẩm để giảm ô nhiễm môi trường và tạo thu nhập cho nông dân ở 10 tỉnh dự án² và các mô hình thí điểm và mô hình trình diễn chuỗi giá trị cho chất thải nông nghiệp.³</p>																																
	8. A2. Các tài liệu đào tạo về công nghệ CSAWMP và cách thức tuyên truyền phải	<p>Đã đạt được: Các tài liệu đào tạo về công nghệ CSAWMP sử dụng hình ảnh và các dẫn chứng thích hợp vì vậy phụ nữ có thể hiểu và áp dụng dễ dàng vào thực tế⁴.</p>																																

2 Phần 3.2.1. Bán nhiên liệu trấu và bếp đun cải tiến (trang 11)

3 Phần 5.1: Mô hình liên quan đến công nghệ khí sinh học: cần khắc phục các hạn chế trong xử lý môi trường và 5.4: Sử dụng máy nén phân bón để xử lý môi trường chăn nuôi và thu gom chất thải chăn nuôi để sản xuất phân hữu cơ sinh học (trang 18). Phỏng vấn Bà Nguyễn Thị Anh - Trưởng phòng chăn nuôi Thực Anh - xã Hà Thanh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Hộ gia đình chị tham gia gói thầu 32 về cung cấp hệ thống phân chuồng để xử lý chất thải chăn nuôi để sản xuất nguyên liệu cho phân bón hữu cơ và dự án hỗ trợ hệ thống tưới tiêu tự động. Mô hình này đã tiết kiệm thời gian trong việc lấy nước và bảo vệ môi trường cũng như sức khỏe của gia đình và người lao động.

⁴ Bà Lê Thị Chung - xã Y Sơn (huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ) đã tham dự 2 lớp tập huấn (sử dụng biogas và quản lý trang trại và quản lý chất thải trang trại) và Bà Vũ Thị Liên - xã Nghĩa Tân (huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định) đã tham gia các lớp tập huấn về sử dụng biogas, họ nói rằng tài liệu đào tạo được trình bày rất tốt và dễ hiểu.

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức								
	thân thiện với phụ nữ (tránh những định kiến về giới và sử dụng những hình ảnh minh họa thích hợp)										
	<p>9• T7. Ít nhất 50% các hoạt động tuyên truyền và tham vấn chỉ dành riêng cho các nhóm phụ nữ (ví dụ như sự kiện sẽ được thực hiện thông qua các cuộc gặp gỡ của hiệp hội phụ nữ)</p> <p>Được điều chỉnh thành 30% trong đợt ĐGGK</p>	<p>Đang thực hiện/chưa đạt được:</p> <p>675 cuộc họp và hội thảo phổ biến đã được tổ chức với 30.712 người tham gia bao gồm 12.154 phụ nữ (40%). Chỉ có 22 cuộc họp và hội thảo dành cho phụ nữ, chiếm 3,3%.</p>	<p>Tư vấn với nhóm phụ nữ chỉ được thực hiện => PPMU tiến hành các sự kiện phổ biến và cuộc họp tham vấn với nhóm duy nhất của phụ nữ thông qua cuộc họp của hội phụ nữ địa phương để thông báo về dự án và công nghệ CSAWMP.</p>								
	<p>10• T8. 30% các đề tài nghiên cứu (21 đề tài) liên quan đến vấn đề giới/các khía cạnh của công trình khí sinh học (KSH) như cải thiện bếp nấu ăn, cải thiện hệ thống sưởi ấm, đun nước nóng của hộ gia đình, công cụ chế biến nông sản sau thu hoạch/thiết bị sử dụng khí ga sinh học thân thiện với phụ nữ.</p>	<p>Đang thực hiện/chưa đạt được:</p> <p>Trong 5 nghiên cứu CSAWMP đã được giao (Gói 25-29, có 3 nghiên cứu liên quan đến vấn đề giới. (Gói 25, 26 và gói 27). Vào ngày 30 tháng 8 năm 2018, các nghiên cứu đã gửi báo cáo khởi động, kết quả thực hiện của các nghiên cứu này sẽ được báo cáo trong báo cáo tiếp theo,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gói 25 (Nghiên cứu sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi và bùn sinh học theo chuỗi giá trị). - Gói 26 (Nghiên cứu cải tiến công nghệ khí sinh học và sử dụng khí sinh học hiệu quả theo chuỗi giá trị). - Gói 27 (Nghiên cứu công nghệ nuôi lợn tiết kiệm nước). 	<p>Chuyên gia về Giới tiếp tục làm việc với các nhà thầu để lồng ghép vấn đề giới vào trong các hoạt động nghiên cứu và giám sát việc triển khai các hoạt động này.</p>								
	<p>11• T9. Phụ nữ chiếm ít nhất 50% người được đào tạo về quản lý trang trại và quản lý chất thải trang trại.</p> <p>(Chuyển từ Sản</p>	<p>Đang thực hiện/ đã đạt được:</p> <p>Dự án đã tiến hành các khóa đào tạo về CSAWMP cho 17.232 nông dân bao gồm 8.651 phụ nữ (50,2%).</p> <table border="1" data-bbox="676 1258 1316 1353"> <thead> <tr> <th data-bbox="676 1258 854 1353">PPMU</th> <th data-bbox="854 1258 1044 1353">Tổng số người tham dự</th> <th data-bbox="1044 1258 1160 1353">Phụ nữ</th> <th data-bbox="1160 1258 1316 1353">% Phụ nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	PPMU	Tổng số người tham dự	Phụ nữ	% Phụ nữ					<p>Một số tỉnh, tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo này chưa đạt được (Lào Cai, Bình Định, Tiền Giang và Bến Tre) → PPMU của các tỉnh này cần khuyến khích những người tham gia nữ thông qua phối</p>
PPMU	Tổng số người tham dự	Phụ nữ	% Phụ nữ								

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ				Các vấn đề/thách thức
	phẩm 1 sang Sản phẩm 3)	CPMU	0	0	0	hợp với Hội phụ nữ xã.
		Lào Cai	780	302	38,7	
		Sơn La	784	526	67,1	
		Phú Thọ	3.449	1.861	54	
		Bắc Giang	3.63	2.011	55,4	
		Nam Định	2.715	1.374	50,6	
		Hà Tĩnh	792	539	68,1	
		Bình Định	1.401	472	33,7	
		Tiền Giang	2.754	1.176	42,7	
		Bến Tre	385	83	21,6	
		Sóc Trăng	542	307	56,6	
		Tổng	17.232	8.651	50,2	
	<p>12• Lựa chọn và đào tạo ít nhất 40% cán bộ khuyến nông nữ trong nghiên cứu và tuyên truyền công nghệ nông nghiệp ứng phó CSAWMP</p> <p>Được điều chỉnh thành 30% trong đợt ĐGGK</p>	<p>Đang thực hiện/đã đạt được: Toàn Dự án đã tổ chức các lớp đào tạo cho 1.698 cán bộ khuyến nông, trong đó có 511 nữ, đạt 30,1%;</p>				
		PPMU	Tổng số người tham dự	Phụ nữ	% Phụ nữ	
		CPMU	274	82	29,9	
		Lào Cai	26	9	34,6	
		Sơn La	212	77	36,3	
		Phú Thọ	-	-	-	
		Bắc Giang	67	31	46,3	
		Nam Định	100	50	50	
		Hà Tĩnh	310	120	38,7	
		Bình Định	387	82	21,2	
		Tiền Giang	-	-	-	
		Bến Tre	322	60	18,6	
		Sóc Trăng	-	-	-	
		Tổng	1.698	511	30,1	
	<p>13• A3. Tuân thủ pháp luật (ví dụ như hợp đồng lao động) và hỗ trợ thủ tục cho các cán bộ khuyến nông giỏi.</p>	<p>Đang thực hiện/đã đạt được: Tất cả cán bộ khuyến nông tham dự các khóa đào tạo TOT đều đã được hỗ trợ công tác phí và phát chứng chỉ.</p>				
	<p>14. T11. 30% nhân</p>	<p>Đang triển khai:</p>				

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức
	viên của các tổ chức tham gia được đào tạo về vận hành và bảo dưỡng thiết bị nghiên cứu là phụ nữ	Gói 14 đã được trao cho nhà thầu, khóa đào tạo về vận hành & bảo trì thiết bị nghiên cứu sẽ được thực hiện trong năm 2018.	<ul style="list-style-type: none"> - CPMU và chuyên gia về giới cần làm việc với các nhà thầu để đảm bảo rằng 30% nhân sự trong các tổ chức tham gia được đào tạo vận hành & bảo trì thiết bị nghiên cứu là phụ nữ. - CPMU cần cung cấp dữ liệu này trong báo cáo hàng quý tiếp theo.
4.Quản lý dự án hiệu quả	15. A4. Hỗ trợ quản lý dự án: CPMU và PPMU phải cử ra một cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến giới và dân tộc thiểu số.	<ul style="list-style-type: none"> • Đã tuân thủ: CPMU và từng PPMU đã cử ra cán bộ làm đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến giới và DTTS. Có 11 Cán bộ đầu mối về giới đã được bổ nhiệm năm 2016 (01 cán bộ thuộc CPMU và 10 cán bộ của 10 tỉnh) 	
	16. A5. Các hội thảo về giới dành cho tất cả nhân viên dự án, nhà thầu, cán bộ khuyến nông và thú y, ban chỉ đạo của các tổ chức liên quan sẽ được tổ chức ở các cấp tỉnh, huyện và xã là một phần trong chương trình định hướng của dự án	<ul style="list-style-type: none"> • Đang thực hiện/đạt được một phần: Đã tổ chức 6 khóa đào tạo nâng cao nhận thức về giới và DTTS ở Cần Thơ, Bình Định và Thái Nguyên. Trong số 253 người tham gia có 149 phụ nữ, đạt 59%. Chỉ có 60 trong số 127 cán bộ từ CPMU và PPMU tham gia tập huấn Giới. 	CPMU cần tiến hành thêm nhiều khóa đào tạo về giới cho các cán bộ còn lại của CPMU và PPMU và giới thiệu KHHĐ Giới của dự án cho các bên liên quan mới (nhà thầu, cán bộ khuyến nông, v.v.).
	17• A6. Xây dựng và cập nhật dữ liệu về phân tách giới và dân tộc thiểu số là một phần trong hệ thống báo cáo và	<ul style="list-style-type: none"> • Đang thực hiện/đã đạt được: <ul style="list-style-type: none"> (i) Chuyên gia tư vấn về M&E đã triển khai hệ thống M&E và các mẫu dữ liệu về phân tách giới và dân tộc thiểu số. (ii) Cơ sở dữ liệu về các hàm KSH được chuyển vào một phần mềm quản lý dữ liệu và đã được cập nhật theo tiến độ xây dựng hàm cùng với số liệu phân tách giới và dân 	

Kết quả Dự án	Mục tiêu / hành động được đề xuất	Tiến độ	Các vấn đề/thách thức																																																				
	<p>công tác giám sát, đánh giá dự án.</p> <p>18• T12. 30% cán bộ của CPMU và PPMU là nữ.</p>	<p>tộc thiếu số</p> <p>• Đã tuân thủ: Đã thành lập một CPMU và 10 PPMU vào quý 2 năm 2013. Tính đến tháng 30/8/2018, có 58 trên tổng số 126 nhân viên là nữ, (45,7%).</p> <table border="1" data-bbox="676 362 1277 790"> <thead> <tr> <th>Tỉnh</th> <th>Tổng</th> <th>Nữ</th> <th>% nữ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>CPMU</td> <td>23</td> <td>14</td> <td>60,9</td> </tr> <tr> <td>Lào Cai</td> <td>5</td> <td>1</td> <td>20</td> </tr> <tr> <td>Sơn La</td> <td>11</td> <td>4</td> <td>36</td> </tr> <tr> <td>Phú Thọ</td> <td>10</td> <td>5</td> <td>50</td> </tr> <tr> <td>Bắc Giang</td> <td>11</td> <td>6</td> <td>54,6</td> </tr> <tr> <td>Nam Định</td> <td>15</td> <td>5</td> <td>33,3</td> </tr> <tr> <td>Hà Tĩnh</td> <td>10</td> <td>4</td> <td>40</td> </tr> <tr> <td>Bình Định</td> <td>10</td> <td>3</td> <td>30</td> </tr> <tr> <td>Tiền Giang</td> <td>11</td> <td>6</td> <td>54,6</td> </tr> <tr> <td>Bến Tre</td> <td>8</td> <td>5</td> <td>62,5</td> </tr> <tr> <td>Sóc Trăng</td> <td>13</td> <td>5</td> <td>38,5</td> </tr> <tr> <td>Tổng</td> <td>127</td> <td>58</td> <td>45,7</td> </tr> </tbody> </table>	Tỉnh	Tổng	Nữ	% nữ	CPMU	23	14	60,9	Lào Cai	5	1	20	Sơn La	11	4	36	Phú Thọ	10	5	50	Bắc Giang	11	6	54,6	Nam Định	15	5	33,3	Hà Tĩnh	10	4	40	Bình Định	10	3	30	Tiền Giang	11	6	54,6	Bến Tre	8	5	62,5	Sóc Trăng	13	5	38,5	Tổng	127	58	45,7	
Tỉnh	Tổng	Nữ	% nữ																																																				
CPMU	23	14	60,9																																																				
Lào Cai	5	1	20																																																				
Sơn La	11	4	36																																																				
Phú Thọ	10	5	50																																																				
Bắc Giang	11	6	54,6																																																				
Nam Định	15	5	33,3																																																				
Hà Tĩnh	10	4	40																																																				
Bình Định	10	3	30																																																				
Tiền Giang	11	6	54,6																																																				
Bến Tre	8	5	62,5																																																				
Sóc Trăng	13	5	38,5																																																				
Tổng	127	58	45,7																																																				